

Số/No.: 29 /CV - CTĐH

Bến Tre, ngày 19 tháng 03 năm 2025
Bentre, March 19th, 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ
NƯỚC VÀ SGĐCK TP.HCM**

**DISCLOSURE OF INFORMATION ON
THE STATE SECURITIES
COMMISSION'S PORTAL AND
HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S
PORTAL**

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities
Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock
Exchange*

- Tên tổ chức / *Organization name*: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE/
DONG HAI JOINT STOCK COMPANY OF BEN TRE
- Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: DHC
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: Lô AIII, KCN Giao Long, xã An Phước, huyện Châu Thành,
tỉnh Bến Tre, Việt Nam/ Lot AIII, Giao Long Industrial Zone, An Phuoc Ward, Chau Thanh
District, Ben Tre Province, Viet Nam.
- Điện thoại/ *Telephone*: 0275.3635739
- Fax: 0275.3635222
- Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: ông Lê Bá Phương/ Mr Le Ba Phuong
Chức vụ/ *Position*: Tổng giám đốc/ General Director

Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu
Information disclosure type: Periodic Irregular 24 hours On demand

Nội dung thông tin công bố (*)/ Content of Information disclosure (*):

Tài liệu họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2025/ *Document for The Annual Shareholders'
Meeting 2025.*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 19/03/2025
tại đường dẫn : www.dohacobentre.com.vn tại mục Quan hệ cổ đông
*This information was disclosed on Company/Fund's Potral on date 19/03/2025 Available at:
www.dohacobentre.com.vn at Shareholder.*

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước
pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./
*I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally
responsible for any misrepresentation.*

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
LEGAL REPRESENTATIVE
TỔNG GIÁM ĐỐC/ GENERAL DIRECTOR**



Lê Bá Phương



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE
DONG HAI JOINT STOCK COMPANY OF BENTRE

ĐC: Lô A III, Khu công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam
Tel: 075.2470655 - 3611666 * Fax: 075.3635222 - 3611222
Email: donghaibentre@yahoo.com * Website: www.dohacobentre.com.vn

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

- **Địa điểm:** Sapphire Ballroom - Tầng 2 - Khách sạn Lotte Saigon - Số 2A-4A Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- **Thời gian:** từ 7 giờ 30 phút, Thứ Tư, ngày 09/04/2025

STT	Nội dung	Phụ trách	Thời gian	Ghi chú
I. Nghi thức khai mạc Đại Hội				
01	Tiếp đón đại biểu, đăng ký tham dự, phát tài liệu	BTC	7h30 - 8h00	
02	Công bố kết quả kiểm tra tư cách cổ đông	Trưởng BKS	8h00 - 8h05	
03	Giới thiệu Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký và thông qua Ban Kiểm phiếu	Trưởng BTC	8h05 - 8h15	Biểu quyết bằng thẻ
04	Thông qua Chương trình và Quy chế làm việc tại Đại hội			
II. Chương trình Đại Hội				
05	Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và Kế hoạch hoạt động năm 2025	Thành viên Ban TGD	8h15 - 8h35	
06	Báo cáo hoạt động HĐQT năm 2024 và Kế hoạch hoạt động năm 2025	Thành viên HĐQT	8h35 - 8h50	
07	Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm Soát năm 2024	Trưởng BKS	8h50 - 9h00	
08	- Các Tờ trình của HĐQT về các vấn đề xin ý kiến Đại hội - Các nội dung khác thuộc thẩm quyền Đại Hội	Đoàn Chủ tịch	9h00-10h00	Biểu quyết bằng thẻ
09	Thảo luận của cổ đông và giải trình của HĐQT	Đoàn Chủ tịch		Phiếu ý kiến

STT	Nội dung	Phụ trách	Thời gian	Ghi chú
III. Biểu quyết				
10	Thông qua các nội dung của Phiếu biểu quyết	Đoàn Chủ tịch	10h00-10h05	
11	Biểu quyết các vấn đề theo tờ trình của HĐQT	Cổ đông	10h05-10h15	Phiếu biểu quyết
12	Giải lao Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu		10h15-10h45	
13	Thông qua kết quả kiểm phiếu	Trưởng Ban Kiểm Phiếu	10h45-11h00	
IV. Bế mạc Đại Hội				
14	Công bố Biên bản Đại hội và Nghị quyết Đại hội	Thư ký Đại hội	11h00-11h15	
15	Đáp từ bế mạc	Chủ tịch HĐQT	11h15-11h30	



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE
DONG HAI JOINT STOCK COMPANY OF BENTRE

ĐC: Lô A III, Khu công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam
Tel: 075.2470655 - 3611666 * Fax: 075.3635222 - 3611222
Email: donghaibentre@yahoo.com * Website: www.dohacobentre.com.vn

ĐỰ THẢO

QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản dưới Luật kèm theo;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre;
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.

Nhằm đảm bảo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội như sau:

Điều 1. Mục đích

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
- Các nghị quyết của ĐHĐCĐ thể hiện ý chí thống nhất của ĐHĐCĐ, đáp ứng nguyện vọng quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi

- **Đối tượng áp dụng:** Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) của cổ đông đang sở hữu cổ phiếu Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre và khách mời tham dự ĐHĐCĐ thường niên Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- **Phạm vi áp dụng:** Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ/từ viết tắt

- Công ty : Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban Kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức Đại hội

- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)

Điều 4. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết¹.
- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
- Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 5. Đại biểu tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

- Tất cả cổ đông của Công ty theo danh sách chốt ngày 10/03/2025 đều có quyền tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự ĐHĐCĐ trực tiếp tại địa điểm họp.
- Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền theo quy định của pháp luật được cử tham dự thì phải xác định cụ thể số cổ phần của mỗi người đại diện.

Điều 6. Khách mời tại Đại hội

Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.

Điều 7. Chủ tọa và Đoàn chủ tọa

Đoàn chủ tọa gồm 03 người, bao gồm 01 Chủ tọa và từ 01 đến 02 Thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa Đại hội, cụ thể như sau:

STT	Tên thành viên	Chức vụ
1		
2		
3		

- Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa Đại hội theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban Kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất sẽ làm Chủ tọa cuộc họp.

¹ Khoản 1 Điều 19 Điều lệ Công ty

- Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.
- Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:
 - Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua;
 - Phân công, giới thiệu đại diện thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát Công ty trình bày các báo cáo tại Đại hội;
 - Giới thiệu thành phần Ban kiểm phiếu để Đại hội biểu quyết;
 - Giới thiệu thành phần Ban chủ tọa để Đại hội biểu quyết (nếu có);
 - Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại Hội;
 - Trả lời và ghi nhận những vấn đề thuộc nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua;
 - Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong suốt quá trình Đại hội;
 - Phê chuẩn, ban hành các văn bản, kết quả, biên bản, nghị quyết của Đại hội sau khi kết thúc Đại hội;
 - Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.

Điều 8. Ban kiểm tra tư cách đại biểu

- Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 02 người, bao gồm 01 Trưởng ban và 01 thành viên, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình. Ban kiểm tra tư cách đại biểu do Chủ tọa giới thiệu cụ thể như sau:

STT	Tên thành viên	Chức vụ
1		
2		

- Nhiệm vụ:
 - Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
 - Báo cáo trước ĐHĐCĐ về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông trước khi ĐHĐCĐ chính thức tiến hành;
 - Phối hợp với Ban kiểm phiếu để hướng dẫn, hỗ trợ và giám sát biểu quyết.

Điều 9. Ban Thư ký Đại hội

- Ban thư ký của Đại hội bao gồm một hoặc một số người do Chủ tọa chỉ định, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tọa. Ban Thư ký do Chủ tọa giới thiệu cụ thể như sau:

STT	Tên thành viên	Ghi chú
1		
2		

- Nhiệm vụ:

- Tiếp nhận, rà soát phiếu đăng ký phát biểu các ý kiến của các đại biểu tham dự, chuyển Đoàn Chủ tọa quyết định;
- Ghi chép Biên bản họp ĐHĐCĐ một cách đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội;
- Hỗ trợ Chủ tọa công bố dự thảo Biên bản họp Đại Hội và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại Hội.

Điều 10. Ban kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa giới thiệu gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên.
- Ban kiểm phiếu bao gồm:

STT	Tên thành viên	Ghi chú
1		
2		
3		

- Nhiệm vụ:

- Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu biểu quyết và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ khi thực hiện nhiệm vụ của mình;
- Xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng vấn đề xin biểu quyết tại Đại hội;
- Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký;
- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

Điều 11. Thảo luận tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung ĐHĐCĐ;
- Chỉ có Đại biểu mới được tham gia thảo luận;
- Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận đặt câu hỏi vào Phiếu đặt câu hỏi do Ban tổ chức phát.
- Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung câu hỏi của Đại biểu và chuyển lên cho Chủ tọa.

2. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:

- Trên cơ sở Phiếu đặt câu hỏi của Đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến Đại biểu;

- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời trực tiếp bằng văn bản.

Điều 12. Biểu quyết tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết công khai. Đại biểu tham dự bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc họp.

2. Bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc họp:

- Khi tham dự ĐHĐCĐ trực tiếp tại địa điểm họp, đại biểu được phát Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết. Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu ĐHĐCĐ). Trên Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết có ghi rõ họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.
- Khi thực hiện bỏ phiếu tại cuộc họp, đại biểu bỏ phiếu biểu quyết theo 02 hình thức biểu quyết như sau:
 - Hình thức giơ Thẻ biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội (bao gồm thành phần Ban Kiểm phiếu và các nhân sự khác); Thông qua Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác tại Đại hội (nếu có);
 - Hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như Báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2024 và kế hoạch kinh doanh năm 2025, Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát và biểu quyết thông qua nội dung các tờ trình tại Đại hội.
- Cách thức biểu quyết: Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết:
 - Đối với hình thức giơ Thẻ biểu quyết: Mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban Kiểm tra tư cách đại biểu/Ban Kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số Phiếu biểu quyết tương ứng của từng đại biểu Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.

- Đối với hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: Đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban Kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu. Các phiếu biểu quyết gửi về sau thời gian biểu quyết được xem là phiếu không có ý kiến.

3. Thể lệ biểu quyết:

Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết.

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 10/03/2025) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty là: 80.493.048 cổ phần tương đương với 80.493.048 quyền biểu quyết.

Mỗi quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại Khoản 1 Điều 21 Điều lệ Công ty thì phải có sự đồng ý ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

- Lưu ý:

- Cổ đông/đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông/ đại diện ủy quyền chiếm từ 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành (theo Khoản 4, Điều 167, Luật Doanh nghiệp 2020).
- Cổ đông/đại diện ủy quyền cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị lớn hơn 10% (tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất) với cổ đông đó (theo Điểm b, Khoản 3 và Khoản 4, Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020).

4. Ghi nhận kết quả biểu quyết

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình đại hội. Kết quả kiểm phiếu sẽ được công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 13. Biên bản, Nghị Quyết họp Đại hội đồng cổ đông

Tất cả các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký Đại Hội ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại Hội.

Điều 14. Thi hành Quy chế

Quy chế tổ chức này được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 và có hiệu lực thi hành ngay khi Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre biểu quyết thông qua.

Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

LƯƠNG VĂN THÀNH



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE DONG HAI JOINT STOCK COMPANY OF BENTRE

ĐC: Lô A III, Khu công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam
Tel: 075.2470655 - 3611666 * Fax: 075.3635222 - 3611222
Email: donghaibentre@yahoo.com * Website: www.dohacobentre.com.vn

Số: 01/BC-ĐHĐCĐ

Bến Tre, ngày 19 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO TÓM TẮT KẾT QUẢ SXKD NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH SXKD 2025

A/ BÁO CÁO TÓM TẮT KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

I. BỐI CẢNH HOẠT ĐỘNG

- Về Giấy: Ngành giấy năm 2024 nói chung và ngành giấy công nghiệp nói riêng tiếp tục gặp nhiều khó khăn. Tình hình thế giới diễn biến phức tạp, tỷ giá biến động tăng. Giá nguyên liệu OCC tăng khoảng 15% trong khi đó giá bán chỉ tăng được khoảng 7%. Giá điện trong năm 2024 đã tăng khoảng 9,5% dẫn đến chi phí sản xuất tăng.

Trong năm 2024 một số nhà máy giấy mới đi vào hoạt động như Thuận An, Bình Minh, Cheng Long, Hoàng Hà, HKB... dẫn đến tình trạng dư trên 35% công suất. Tình hình xuất khẩu giảm do giá bán giảm, cạnh tranh ngày càng gay gắt. Cuối năm 2024, nhiều nhà máy ở phía Bắc phải ngưng hoạt động do ô nhiễm môi trường và nhiều nhà máy giấy lớn đều ngưng máy bảo trì. Riêng Đông Hải xuất bán đạt kế hoạch đặt ra, tồn kho thấp.

- Về Bao bì: Ngành công nghiệp bao bì carton tăng khoảng từ 10% do xu hướng tập trung vào phát triển bền vững và sử dụng sản phẩm tái chế để giảm rác thải nhựa. Trong năm 2024, bán hàng bao bì của công ty tăng trưởng 12,9%, đa dạng cơ cấu ngành hàng từ thủy sản đến các ngành thực phẩm, hàng tiêu dùng, nông sản, sản phẩm linh kiện điện tử, Với tốc độ tiếp tục tăng trưởng nhanh trong những năm tới, bao bì được đánh giá thuộc nhóm ngành tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam cũng là cơ hội để công ty phát triển ngành bao bì đa dạng hơn đáp ứng yêu cầu khách hàng.

- Đối với Công ty Cổ phần Giấy Giao Long, ngày 03/10/2024, Công ty đã được cấp Quyết định chủ trương đầu tư số 2348/QĐ-UBND để làm Nhà máy giấy với công suất 1.000 tấn/ngày.

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

1. Tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024

Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện năm 2024			So sánh KQ năm 2023	
	Kế hoạch	Thực hiện	% so với KH 2024	Kết quả 2023	% 2024/2023
I. Tổng Doanh thu (tỷ đồng)	3.279	3.596,5	109,68%	3.258,91	110,36%
1. Đông Hải Bến Tre	3.000	3.182,2	106,07%	3.090,07	102,98%
+ Nhà máy Giao Long – PM1	500	565,8	113,16%	543,9	104,03%
+ Nhà máy Giao Long – PM2	2.175	2.268,4	104,29%	2.222,09	102,08%
+ Nhà máy Bao bì	325	348	107,08%	324,08	107,38%

2.Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre	279	330,7	118,53%	236,16	140,03%
II.Lợi nhuận sau thuế hợp nhất (tỷ đồng)	300	242	80,73%	309,338	78,3%

2. Kết quả hoạt động cụ thể

a. Hoạt động sản xuất và kinh doanh giấy:

- Nhà máy giấy Giao Long hoạt động ổn định, sản xuất được 324.875 tấn, đạt 107,22% kế hoạch năm. Nhà máy sử dụng vật tư, nguyên vật liệu không vượt định mức quy định của công ty.

- Tổng sản lượng xuất bán là 310.286 tấn. Trong đó, sản lượng trong nước là 297.408 tấn, sản lượng xuất khẩu là 12.878 tấn. Doanh thu xuất khẩu khoảng 4,6 triệu USD.

b. Hoạt động sản xuất và kinh doanh bao bì:

- Sản lượng sản xuất 42.006.462 sản phẩm, đạt 107,72% kế hoạch năm. Tỷ lệ hao hụt theo định mức từ nguyên liệu đến thành phẩm là 8,73%, thấp hơn định mức 0,07%.

- Bán hàng đã tăng cường khai thác mới, chăm sóc khách hàng cũ, có chính sách giá bán hợp lý và thu hồi công nợ đúng theo tinh thần hợp đồng đã ký.

c. Đầu tư máy móc thiết bị, xây dựng cơ bản:

Máy móc thiết bị trong năm hoạt động ổn định. Tổng đầu tư máy móc thiết bị, xây dựng cơ bản trong năm 2024 khoảng 48,9 tỷ đồng. Trong đó, hệ phân tán nhiệt 17,6 tỷ đồng, hệ bơm chân không 11,8 tỷ đồng, mở rộng nhà xưởng 12,8 tỷ đồng, mua xe nâng 3,3 tỷ đồng,...

d. Tình hình tài chính:

- Nợ phải thu đến 31/12/2024: 610.678.592.769 đồng. Trong đó, nợ luân chuyển: 595.831.755.073 đồng (giấy cuộn chiếm 90,36%, bao bì chiếm 9,64%).

- Nợ khó đòi phát sinh trong năm: 11.343.213.492 đồng, thu nợ phải thu khó đòi trong năm: 10.946.564.146 đồng.

- Dư nợ vay ngân hàng tại ngày 31/12/2024: 727.343.509.035 đồng.

- Số tiền đã nộp ngân sách nhà nước, địa phương trong năm 2024 trên 150 tỷ đồng.

(Báo cáo tài chính đã kiểm toán đính kèm)

e. Tình hình nhân sự:

- Tình hình nhân sự trong năm tương đối ổn định. Tổng nhân sự đến 31/12/2024: 551 người, giảm 13 người so với năm 2023.

- Trong năm đã hoàn thành các khóa đào tạo định kỳ và theo nhu cầu.

- Về PCCC, vệ sinh lao động, môi trường: được kiểm tra thường xuyên và duy trì tốt.

- Trong năm 2024, CBCNV Các Khối/ Nhà máy đã đăng ký 53 sáng kiến giúp tăng sản lượng, tăng năng suất lao động; tiết kiệm và mang lại hiệu quả cho công ty trên 44 tỷ đồng.

- Công ty đã duy trì tốt hai tiêu chuẩn ISO 9001:2015, 14001:2015 về chất lượng và môi trường, tiến hành đánh giá và được cấp chứng nhận mới ISO 45001:2018, 50001:2018 về an toàn và năng lượng.

f. Hoạt động công đoàn – xã hội:

- Ban lãnh đạo Công ty cùng tổ chức Công Đoàn luôn phối hợp chặt chẽ, quan tâm và chăm lo cho đời sống CBCNV công ty, kịp thời hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn, trợ cấp “Mái Ấm Đông Hải”, tặng quà Tết Nguyên đán, Tết trung thu cho toàn thể CBCNV công ty,... với tổng số tiền trên 2,2 tỷ đồng.

- Công ty đã tích cực tham gia các hoạt động xã hội như chi tiền ủng hộ cho người dân bị ảnh hưởng sau bão Yagi, chi hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn trong địa bàn xã, hỗ trợ các xã nhân dịp cuối năm, hỗ trợ chi phí tổ chức Hội nghị xúc tiến đầu tư của Tỉnh... với tổng số tiền trên 700 triệu đồng.

g. Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre

- Trong năm 2024, Công ty đã sản xuất và kinh doanh đạt 118,8% kế hoạch đề ra. Tổng nhân sự đến ngày 31/12/2024 là 159 người.

- Tỷ lệ hao hụt theo định mức từ nguyên liệu đến thành phẩm trong quý là 6,79%, thấp hơn định mức là 0,21%.

- Công ty cũng đã duy trì tốt hệ thống quản lý chất lượng – môi trường theo ISO 9001:2015 VÀ 14001: 2015, chứng nhận FSC.

B/ MỤC TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2025

I. Dự báo tình hình

1. Thuận lợi

- Ngành bao bì tiếp tục tăng trưởng trên 10% trong những năm tiếp theo do xu hướng ngày càng gia tăng trong sử dụng giấy bao bì cho thương mại và xuất khẩu, chuyển đổi từ các sản phẩm bằng nhựa sang các sản phẩm bằng giấy thân thiện với môi trường.

- Hoạt động xuất khẩu của Việt Nam cũng như thương mại điện tử ngày càng phát triển.

- Công ty Đông Hải tập trung vào ngành sản xuất xanh, tạo ra những sản phẩm thân thiện với môi trường là giấy và bao bì carton, có định hướng chiến lược kinh doanh ngắn và dài hạn phù hợp định hướng phát triển của ngành, địa phương; nỗ lực đảm bảo kinh tế tuần hoàn.

- Thương hiệu Giấy Giao Long ngày càng khẳng định mạnh mẽ trên thương trường khi được vinh danh sản phẩm đạt Thương hiệu Quốc gia Việt Nam từ năm 2022 đến nay.

- Có tập thể người lao động đoàn kết tận tụy và tâm huyết với định hướng phát triển Công ty. Cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật từng bước làm chủ được công nghệ. Công tác dự phòng thiết bị, phụ tùng thay thế được chuẩn bị đầy đủ.

- Công ty áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 45001:2018, ISO 50001:2018, hệ thống quản lý FSC và đang tiến hành triển khai thực hiện theo tiêu chuẩn ESG.

- Công ty được sự hỗ trợ, ủng hộ mạnh mẽ từ các cấp chính quyền và các đối tác.

2. Khó khăn

- Tình hình kinh tế Thế giới không ổn định, tỉ giá tăng, lạm phát tăng cao ở nhiều nơi, người tiêu dùng hạn chế mua sắm.

- Nhiều dự án mở rộng công suất của các doanh nghiệp cùng ngành dự báo sẽ là giai đoạn cạnh tranh gay gắt trong thời gian tới.

- Nhiều văn bản pháp luật và các quy định mới được ban hành, đòi hỏi Công ty phải thường xuyên cập nhật những văn bản pháp luật mới nhất liên quan đến lĩnh vực sản xuất và các lĩnh vực liên quan khác để kịp thời điều chỉnh hoạt động và có những chiến lược đúng đắn trong từng thời kỳ.

II. Tóm tắt Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2025

1. Mục tiêu năm 2025:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025
I. Tổng Doanh thu	tỷ đồng	3.275
1. Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre	tỷ đồng	2.925
+ Nhà máy giấy Giao Long – PM1	tỷ đồng	522
+ Nhà máy giấy Giao Long – PM2	tỷ đồng	2.048
+ Nhà máy Bao bì	tỷ đồng	355
2. Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre	tỷ đồng	350
II. Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	242

2. Các giải pháp trọng tâm thực hiện kế hoạch mục tiêu năm 2025

2.1. Thị trường, khách hàng tiêu thụ và cung ứng:

* Đối với giấy:

- Tiếp tục tìm kiếm và khai thác khách hàng mới tiềm năng.
- Bán hàng gắn liền với thu hồi công nợ, không làm phát sinh nợ khó đòi, nợ xấu.
- Tăng cường phát triển thị trường trong nước, mở rộng thị trường xuất khẩu.

* Đối với bao bì:

- Tập trung khai thác tốt khách hàng cũ lớn và thanh toán tốt; nắm tình hình giá cả thị trường, nguyên liệu đầu vào và điều chỉnh giá bán cạnh tranh hợp lý.

- Bán hàng gắn liền với thu hồi công nợ; không để phát sinh nợ khó đòi.
- Phối hợp cùng nhà máy thường xuyên trao đổi, chia sẻ nhu cầu, chất lượng sản phẩm để đáp ứng tốt yêu cầu khách hàng.

- Phát triển thêm 10 khách hàng lớn, doanh thu trên 2 tỷ đồng/năm.

* Đối với cung ứng:

- Nắm bắt thông tin thị trường của các nguyên liệu để có sự chủ động và mua hàng với giá cả hợp lý.

- Tập trung công tác thu mua giấy phế liệu, các nguyên liệu cho Nhà máy, đảm bảo hoạt động ổn định. Kiểm tra hàng tồn kho để có kế hoạch mua hàng, trang thiết bị phù hợp.

- Duy trì và tăng cường công tác đánh giá các Nhà cung cấp.

2.2. Công tác sản xuất:

- Tăng cường chất lượng sản phẩm, tránh khiếu nại, phản hồi từ khách hàng.
- Kiểm tra thường xuyên tình trạng máy móc thiết bị, lập kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị hợp lý, đảm bảo vận hành sản xuất thông suốt, đạt sản lượng kế hoạch.

- Xây dựng kiểm soát định mức tiêu hao nguyên vật liệu trong sản xuất hợp lý.

- Rà soát lại nhân sự trong toàn nhà máy để bố trí công việc phù hợp cho từng vị trí, đảm bảo bộ máy tinh gọn và làm việc có hiệu quả.

- Xây dựng phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cao chất lượng hạ giá thành sản phẩm.

2.3. Kế hoạch đầu tư – xây dựng

- Đầu tư máy móc thiết bị - xây dựng cơ bản bổ sung cho Nhà máy hiện tại:

+ Nhà máy giấy Giao Long: Hệ thống bơm chân không turbin PM2 khoảng 27 tỷ đồng, Máy ép bùn khung bản khoảng 3 tỷ đồng, Hệ thống kiểm tra bề mặt giấy khoảng 2 tỷ đồng, đầu tư thêm 4 xe nâng và 1 xe xúc lớn khoảng 7 tỷ đồng.

+ Nhà máy Bao bì : đầu tư máy dán tự động 1.260.000.000 đồng

- Tìm đất để di dời và đầu tư Nhà máy Bao Bì nhằm tăng công suất của Nhà máy và phát triển sản phẩm in offset.

2.4. Kế hoạch tài chính

- Xây dựng kế hoạch tài chính năm 2025.

- Đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ, giảm thiểu ngăn ngừa phát sinh nợ xấu, thu hồi công nợ đảm bảo theo kế hoạch.

- Phối hợp với đơn vị kiểm toán hoàn thành các báo cáo tài chính năm 2025.

- Cân đối nguồn để chi cổ tức năm 2024 cho cổ đông.

- Tìm kiếm đơn vị để triển khai phần mềm kế toán theo chuẩn mực quốc tế.

2.5. Tổ chức - nhân sự

- Lên kế hoạch và triển khai tuyển dụng và đào tạo năm 2025 theo nhu cầu của các Khô/Nhà máy.

- Xây dựng kế hoạch nhân sự kế thừa, đảm bảo nguồn nhân lực để triển khai thực hiện các kế hoạch đã đề ra.

- Tăng cường công tác kiểm tra PCCC, An toàn lao động, trang bị bảo hộ lao động, an toàn hoá chất, vệ sinh 5S trong toàn công ty.

- Quan tâm hỗ trợ công tác xã hội, từ thiện, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động trong công ty.

- Tiếp tục duy trì hệ thống quản lý chất lượng - môi trường – an toàn - năng lượng theo ISO 9001:2015, 14001:2015, 45001:2018 và 50001:2018, phấn đấu hướng đến tiêu chuẩn ESG nhằm định hướng, kiểm soát hoạt động phát triển bền vững của công ty.

2.6. Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre

- Nhà máy tuyển dụng bổ sung nhân sự vận hành đầy đủ các bộ phận sản xuất.

- Phấn đấu giảm hao hụt thấp hơn định mức dưới 6,8%.

- Bộ phận bán hàng tăng cường công tác bán hàng, chăm sóc tốt khách hàng để tăng doanh thu, sản lượng theo kế hoạch đã đề ra.

- Tìm địa điểm ở khu vực Cần Thơ, Hậu Giang để Công ty mở rộng, phát triển nhà máy – chi nhánh tại miền Tây.

Trên đây là Báo cáo đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc công ty năm 2024 và kế hoạch kinh doanh năm 2025.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và cho ý kiến các nội dung báo cáo cũng như những phương hướng mục tiêu trên.

Trân trọng!

TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC
(đã ký)

LÊ BÁ PHƯƠNG

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



**Shape the future
with confidence**

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 37

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 1300358260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Bến Tre cấp ngày 2 tháng 4 năm 2003, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch là DHC theo Quyết định số 58/QĐ-SGDHCM do HOSE cấp ngày 18 tháng 6 năm 2009.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con là sản xuất và kinh doanh bột giấy, giấy, bìa, bao bì từ giấy và nhựa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Lô AIII, Khu Công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lương Văn Thành	Chủ tịch
Ông Lê Bá Phương	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Thành viên không điều hành
Ông Marco Martinelli	Thành viên độc lập - không điều hành
Ông Dương Thành Công	Thành viên không điều hành

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát ("BKS") trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đoàn Thị Bích Thúy	Trưởng ban
Bà Đoàn Hồng Lan	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Bình	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Bá Phương	Tổng Giám đốc
Ông Lương Văn Thành	Phó Tổng giám đốc
Bà Hồ Thị Song Ngọc	Phó Tổng giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Bá Phương.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho mỗi kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất



Lê Bá Phương
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2025

Số tham chiếu: 12120343/67724059/FN-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Nhóm Công ty”) được lập ngày 17 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.186.220.726.161	1.785.334.756.725
110	<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	4	570.814.931.920	247.229.229.877
111	1. Tiền		207.064.931.920	215.229.229.877
112	2. Các khoản tương đương tiền		363.750.000.000	32.000.000.000
120	<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>		334.182.014.034	101.169.764.590
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	334.182.014.034	101.169.764.590
130	<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>		745.215.196.499	893.954.809.426
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	671.199.741.767	631.927.963.492
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	44.405.606.151	266.274.176.350
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	30.000.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	9.762.421.776	4.644.158.040
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(10.152.573.195)	(8.891.488.456)
140	<i>IV. Hàng tồn kho</i>		524.454.388.269	504.234.805.104
141	1. Hàng tồn kho	10	524.454.388.269	504.234.805.104
150	<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>		11.554.195.439	38.746.147.728
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	11.538.135.227	16.299.921.157
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		16.060.212	22.446.226.571
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.058.436.914.942	1.129.762.768.527
210	<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>		2.568.680.000	4.735.030.000
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	6	2.568.680.000	4.735.030.000
220	<i>II. Tài sản cố định</i>		994.380.127.838	1.041.688.114.149
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	993.394.405.723	1.041.460.816.284
222	Nguyên giá		1.751.562.621.587	1.696.609.188.119
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(758.168.215.864)	(655.148.371.835)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	985.722.115	227.297.865
228	Nguyên giá		1.994.334.250	1.044.334.250
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.008.612.135)	(817.036.385)
240	<i>III. Tài sản dở dang dài hạn</i>		16.734.250.000	45.594.858.239
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	16.734.250.000	45.594.858.239
250	<i>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</i>		5.525.747.382	6.879.002.167
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	15	5.525.747.382	6.879.002.167
260	<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>		39.228.109.722	30.865.763.972
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	38.999.929.713	30.865.763.972
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.3	228.180.009	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.244.657.641.103	2.915.097.525.252

11/01/2025 10:11

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.241.578.204.990	1.063.193.325.576
310	I. Nợ ngắn hạn		1.236.078.204.990	1.062.496.403.155
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	407.508.643.348	302.930.877.621
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	15.829.091.096	7.254.770.614
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	10.863.755.657	7.495.706.917
314	4. Phải trả người lao động		23.123.450.343	21.336.041.087
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	9.713.222.819	13.299.520.347
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		109.090.909	109.090.909
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	3.204.978.686	4.922.019.115
320	8. Vay ngắn hạn	22	762.873.933.477	701.771.824.278
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21	2.852.038.655	3.376.552.267
330	II. Nợ dài hạn		5.500.000.000	696.922.421
338	1. Vay dài hạn	22	5.500.000.000	-
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	30.3	-	696.922.421
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.003.079.436.113	1.851.904.199.676
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	2.003.079.436.113	1.851.904.199.676
411	1. Vốn cổ phần		804.930.480.000	804.930.480.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		804.930.480.000	804.930.480.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		235.247.935.803	235.247.935.803
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		117.344.180.651	101.877.261.214
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		843.427.493.301	706.824.522.659
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		601.677.787.447	397.478.133.920
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		241.749.705.854	309.346.388.739
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		2.129.346.358	3.024.000.000
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.244.657.641.103	2.915.097.525.252



Phạm Thị Minh Phụng
Người lập



Nguyễn Hồng Thanh
Kế toán trưởng



Lê Bá Phương
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B02-DN/HN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng	24.1	3.597.426.318.483	3.261.255.035.745
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	(919.173.754)	(2.346.494.143)
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng	24.1	3.596.507.144.729	3.258.908.541.602
11	4. Giá vốn hàng bán	25	(3.170.476.832.202)	(2.755.379.718.199)
20	5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng		426.030.312.527	503.528.823.403
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	34.469.814.218	29.113.353.819
22	7. Chi phí tài chính	26	(38.593.394.632)	(38.098.931.655)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(22.885.715.787)	(33.205.155.630)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết	15	1.636.745.215	1.894.842.717
25	9. Chi phí bán hàng	27	(112.803.009.661)	(108.078.537.833)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(39.651.125.697)	(37.809.201.984)
30	11. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		271.089.341.970	350.550.348.467
31	12. Thu nhập khác	28	8.274.184.800	7.856.443.647
32	13. Chi phí khác		(140.725.777)	(308.737.825)
40	14. Lợi nhuận khác		8.133.459.023	7.547.705.822
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		279.222.800.993	358.098.054.289
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(37.951.251.211)	(47.428.673.145)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	30.3	925.102.430	(1.330.992.405)
60	18. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		242.196.652.212	309.338.388.739
61	19. Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông công ty mẹ		242.066.983.472	309.338.388.739
62	20. Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông không kiểm soát		129.668.740	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23.4	2.947	3.729
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	23.4	2.947	3.729



Phạm Thị Minh Phụng
Người lập



Nguyễn Hồng T
Kế toán trưởng



Lê Bá Phương
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		279.222.800.993	358.098.054.289
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	12, 13	105.032.042.879	102.294.331.979
03	Dự phòng		1.261.084.739	1.264.224.273
04	Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.546.836.746	(940.110.734)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(20.103.276.128)	(7.571.592.919)
06	Chi phí lãi vay	26	22.885.715.787	33.205.155.630
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		389.845.205.016	486.350.062.518
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		204.548.456.023	(101.742.431.863)
10	Giảm hàng tồn kho		24.376.234.328	124.480.391.503
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		107.109.956.161	(160.869.294.155)
12	Tăng chi phí trả trước		(3.372.379.811)	(10.208.813.986)
14	Tiền lãi vay đã trả		(23.102.846.855)	(31.946.803.123)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	18	(33.440.678.188)	(57.165.628.867)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(9.809.781.387)	(7.658.569.399)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		656.154.165.287	241.238.912.628
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(70.637.675.722)	(88.084.006.924)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		347.954.545	343.364.855
23	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, mua công cụ nợ của đơn vị khác		(387.012.249.444)	(102.710.547.945)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn		124.000.000.000	20.642.869.051
25	Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác		(6.973.600.000)	-
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức được chia		18.565.242.894	4.412.595.230
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(321.710.327.727)	(165.395.725.733)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ vốn góp của cổ đông không kiểm soát		3.032.000.000	32.000.000
33	Tiền thu từ đi vay	22	1.706.317.193.531	1.539.961.428.933
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	22	(1.639.715.084.332)	(1.356.552.904.851)
36	Cổ tức đã trả	23,2	(80.493.048.000)	(201.232.620.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(10.858.938.801)	(17.792.095.918)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		323.584.898.759	58.051.090.977
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		247.229.229.877	189.178.341.116
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái		803.284	(202.216)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	570.814.931.920	247.229.229.877

P. [Signature]

Phạm Thị Minh Phụng
Người lập

Tỉnh Bến Tre, Việt Nam
Ngày 17 tháng 3 năm 2025

[Signature]

Nguyễn Hồng Thanh
Kế toán trưởng



Lê Bá Phương
Tổng Giám đốc

M.S.D.N. 1300358200

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 1300358260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Bến Tre cấp ngày 2 tháng 4 năm 2003, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch là DHC theo Quyết định số 58/QĐ-SGDHCM do HOSE cấp ngày 18 tháng 6 năm 2009.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh bột giấy, giấy, bìa, bao bì từ giấy và nhựa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Lô AIII, Khu Công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 714 (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 693).

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 2 công ty con và 1 công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết	
			Số cuối năm (%)	Số đầu năm (%)
Công ty con				
(1) Công ty TNHH Một Thành Viên Bao bì Bến Tre ("Bao Bì Bến Tre")	Sản xuất và kinh doanh bao bì carton	Đang hoạt động	100,00	100,00
(2) Công ty Cổ phần Giấy Giao Long	Sản xuất và kinh doanh bột giấy, giấy và bìa	Đang hoạt động	99,42	98,32
Công ty liên kết				
(1) Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long ("Tân Cảng Giao Long")	Cung cấp dịch vụ khai thác cảng và vận chuyển	Đang hoạt động	26,00	26,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

2.3 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí sản xuất (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--|--|
| Nguyên vật liệu, phụ tùng và hàng hóa | - giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Đối với các trường hợp cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 35 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận chuyển	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 8 năm
Phần mềm vi tính	5 năm
Tài sản khác	8 năm

14/11/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.11 Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Ngoài ra, khi có sự thay đổi được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của công ty liên kết, Nhóm Công ty sẽ ghi nhận phần chia sẻ của mình tương ứng với các thay đổi đó trong vốn chủ sở hữu. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 *Vốn góp của chủ sở hữu*

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

3.16 *Phân phối lợi nhuận thuần*

Lợi nhuận thuần sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên, và sau khi trích các quỹ theo Điều lệ của Nhóm Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

► *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

► *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

► *Cổ tức*

Cổ tức công bố bằng tiền được ghi nhận như một khoản phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt về chủ trương và được Hội đồng Quản trị Công ty tiến hành thực hiện.

Cổ tức công bố bằng cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất khi Nhóm Công ty hoàn thành đầy đủ các thủ tục pháp lý theo quy định hiện hành.

3.17 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải nộp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải nộp hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

3.21 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh bột giấy, giấy, bìa, bao bì từ giấy và nhựa. Ngoài ra, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý, và theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	151.954.100	296.902.700
Tiền gửi ngân hàng	206.912.977.820	214.932.327.177
Các khoản tương đương tiền (*)	363.750.000.000	32.000.000.000
TỔNG CỘNG	570.814.931.920	247.229.229.877

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trái phiếu (*)	85.000.000.000	15.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (**)	249.182.014.034	86.169.764.590
TỔNG CỘNG	334.182.014.034	101.169.764.590

(*) Số dư trình bày khoản đầu tư vào trái phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt có kỳ hạn gốc một (1) năm và hưởng lãi suất dao động từ 8% đến 8,3%/năm.

(**) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại với thời hạn gốc trên ba tháng và kỳ hạn còn lại không quá một năm kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán và hưởng lãi suất áp dụng.

Nhóm Công ty đã thế chấp một phần khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn trị giá 11.000.000.000 đồng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng (Thuyết minh số 22).

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Quốc tế Hoàng Long	74.385.857.411	62.812.118.891
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Hảo	70.977.941.064	65.020.074.192
Khác	525.835.943.292	504.095.770.409
TỔNG CỘNG	671.199.741.767	631.927.963.492
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(10.152.573.195)	(8.891.488.456)
GIÁ TRỊ THUẦN	661.047.168.572	623.036.475.036
Dài hạn		
Công ty TNHH T&V Coconut	1.510.300.000	2.905.900.000
Công ty TNHH MTV Vận tải Trúc Lan Vy	1.058.380.000	1.829.130.000
TỔNG CỘNG	2.568.680.000	4.735.030.000

(*) Nhóm Công ty đã thế chấp một phần khoản phải thu ngắn hạn để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng (Thuyết minh số 22).

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(8.891.488.456)	(7.627.264.183)
Dự phòng trích lập trong năm	(2.374.006.862)	(1.457.263.030)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	1.112.922.123	193.038.757
Số cuối năm	(10.152.573.195)	(8.891.488.456)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho nhà cung cấp	11.368.483.117	200.532.633.681
- Công ty TNHH Xây dựng Nhà Lê Nguyễn	5.000.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Sản xuất và Đầu tư Đức Long	-	65.325.367.977
- Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng Bất động sản Thiên Lộc	-	27.375.000.000
- Khác	6.368.483.117	107.832.265.704
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 31)	33.037.123.034	65.741.542.669
TỔNG CỘNG	44.405.606.151	266.274.176.350

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại N.I.D.	20.000.000.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Việt Xanh QN	10.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	30.000.000.000	-

Đây là các khoản cho nhà cung cấp vay để đầu tư cơ sở vật chất, máy móc thiết bị với kỳ hạn một (1) năm, hưởng lãi suất từ 6% đến 8%/năm và có tài sản đảm bảo là nhà xưởng, máy móc thiết bị thuộc sở hữu của các nhà cung cấp này.

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi tiền gửi	4.758.566.751	2.136.565.877
Góp vốn vào công ty liên kết	2.600.000.000	-
Tạm ứng nhân viên	2.007.915.300	1.444.584.763
Khác	395.939.725	1.063.007.400
TỔNG CỘNG	9.762.421.776	4.644.158.040
Trong đó		
Phải thu từ bên khác	7.162.421.776	4.644.158.040
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 31)	2.600.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng mua đang đi đường	195.437.969.814	89.339.030.898
Nguyên vật liệu	145.396.618.873	247.231.288.446
Phụ tùng	107.105.022.279	109.851.356.201
Thành phẩm	75.982.679.908	57.346.172.573
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	394.438.955	319.326.759
Công cụ, dụng cụ	137.658.440	147.630.227
TỔNG CỘNG	524.454.388.269	504.234.805.104

(*) Nhóm Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (*Thuyết minh số 22*).

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	11.538.135.227	16.299.921.157
Công cụ, dụng cụ	7.436.898.660	8.054.048.254
Hợp đồng bảo hiểm	1.717.703.186	1.452.345.587
Chi phí sửa chữa	947.742.614	6.675.147.913
Khác	1.435.790.767	118.379.403
Dài hạn	38.999.929.713	30.865.763.972
Công cụ, dụng cụ	27.025.022.840	21.965.537.466
Chi phí sửa chữa	8.864.546.775	5.083.667.630
Tiền thuê đất (*)	2.927.511.048	3.016.673.820
Khác	182.849.050	799.885.056
TỔNG CỘNG	50.538.064.940	47.165.685.129

(*) Quyền sử dụng đất có liên quan đã được Nhóm Công ty thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng thương mại (*Thuyết minh số 22*).

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị	Nhà cửa và vật kiến trúc	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						VND
Số đầu năm	1.154.709.852.505	460.290.639.580	68.755.995.859	12.436.200.675	416.499.500	1.696.609.188.119
Mua mới	4.527.000.000	-	7.971.072.727	180.100.000	-	12.678.172.727
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	30.528.550.136	13.646.001.105	-	-	-	44.174.551.241
Thanh lý, xóa sổ	(50.000.000)	(239.027.119)	(1.266.663.636)	(343.599.745)	-	(1.899.290.500)
Số cuối năm	1.189.715.402.641	473.697.613.566	75.460.404.950	12.272.700.930	416.499.500	1.751.562.621.587
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	194.543.191.501	25.182.180.069	17.577.431.052	3.282.480.272	193.710.000	240.778.992.894
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	(460.629.237.717)	(147.124.957.486)	(39.687.407.734)	(7.447.951.698)	(258.817.200)	(655.148.371.835)
Khấu hao trong năm	(69.287.832.549)	(25.807.423.565)	(7.880.204.202)	(1.827.773.633)	(37.233.180)	(104.840.467.129)
Thanh lý, xóa sổ	50.000.000	239.027.119	1.266.663.636	264.932.345	-	1.820.623.100
Số cuối năm	(529.867.070.266)	(172.693.353.932)	(46.300.948.300)	(9.010.792.986)	(296.050.380)	(758.168.215.864)
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	694.080.614.788	313.165.682.094	29.068.588.125	4.988.248.977	157.682.300	1.041.460.816.284
Số cuối năm	659.848.332.375	301.004.259.634	29.159.456.650	3.261.907.944	120.449.120	993.394.405.723
Trong đó:						
Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 22)	548.520.546.317	279.756.523.727	273.933.345	2.206.837.864	-	830.757.841.253

(Handwritten signature)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	VND		
	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	232.602.450	811.731.800	1.044.334.250
Mua mới	-	950.000.000	950.000.000
Số cuối năm	<u>232.602.450</u>	<u>1.761.731.800</u>	<u>1.994.334.250</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	82.602.450	616.731.800	699.334.250
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	(130.273.810)	(686.762.575)	(817.036.385)
Hao mòn trong năm	(30.082.272)	(161.493.478)	(191.575.750)
Số cuối năm	<u>(160.356.082)</u>	<u>(848.256.053)</u>	<u>(1.008.612.135)</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>102.328.640</u>	<u>124.969.225</u>	<u>227.297.865</u>
Số cuối năm	<u>72.246.368</u>	<u>913.475.747</u>	<u>985.722.115</u>

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Máy móc, thiết bị	16.734.250.000	-
Chi phí xây dựng và cải tạo các nhà máy giấy	-	44.595.817.493
Khác	-	999.040.746
TỔNG CỘNG	<u>16.734.250.000</u>	<u>45.594.858.239</u>

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>	<i>Giá gốc</i>
	(%)	VND	(%)	VND
Tân Cảng Giao Long	26,00	<u>5.525.747.382</u>	26,00	<u>6.879.002.167</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này như sau:

	VND
Giá trị đầu tư:	
Số đầu năm và cuối năm	<u>2.600.000.000</u>
Phần lũy kế lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết:	
Số đầu năm	4.279.002.167
Phần lãi từ công ty liên kết	1.636.745.215
Cổ tức được chia	<u>(2.990.000.000)</u>
Số cuối năm	<u>2.925.747.382</u>
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	<u>6.879.002.167</u>
Số cuối năm	<u>5.525.747.382</u>

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho người bán	393.515.202.348	296.272.510.806
- <i>Vipa Lausanne SA</i>	124.040.592.874	56.976.894.915
- <i>Khác</i>	269.474.609.474	239.295.615.891
Phải trả cho các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 31</i>)	<u>13.993.441.000</u>	<u>6.658.366.815</u>
TỔNG CỘNG	<u>407.508.643.348</u>	<u>302.930.877.621</u>

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Jinhong Industrial (Hong Kong) Co., Ltd	5.513.520.612	-
Taicang Lingbo Paper Co., Ltd	4.490.691.096	2.552.549.646
Jiangsu Wuyang Group Co., Ltd	2.993.850.862	-
Zhejiang Wuyi Zhangshi Packaging Industry Co., Ltd.	2.175.906.885	-
Xiamen Gulong Development Co., Ltd	-	3.476.356.380
Khác	<u>655.121.641</u>	<u>1.225.864.588</u>
TỔNG CỘNG	<u>15.829.091.096</u>	<u>7.254.770.614</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

				VND
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	22.446.226.571	249.118.638.439	(271.548.804.798)	16.060.212
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.429.838.774	37.951.251.211	(33.440.678.188)	8.940.411.797
Thuế giá trị gia tăng	406.786.901	288.565.107.936	(287.372.942.279)	1,598,952,558
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	95.756.227.584	(95.756.227.584)	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.659.081.242	9.076.003.790	(11.410.693.730)	324.391.302
Thuế nhập khẩu	-	382.253.739	(382.253.739)	-
Khác	-	940.604.585	(940.604.585)	-
TỔNG CỘNG	7.495.706.917	432.671.448.845	(429.303.400.105)	10.863.755.657

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

			VND
	Số cuối năm	Số đầu năm	
Chi phí hoạt động	8.167.038.517	11.652.715.390	
Chi phí lãi vay	1.041.221.439	1.258.352.507	
Khác	504.962.863	388.452.450	
TỔNG CỘNG	9.713.222.819	13.299.520.347	

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

			ND
	Số cuối năm	Số đầu năm	
Hoa hồng môi giới	1.317.584.232	3.079.247.610	
Thưởng của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	409.217.287	507.717.287	
Khác	1.478.177.167	1.335.054.218	
TỔNG CỘNG	3.204.978.686	4.922.019.115	

21. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

			VND
	Năm nay	Năm trước	
Số đầu năm	3.376.552.267	3.445.949.978	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.186.767.775	7.589.171.688	
Sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi	(6.711.281.387)	(7.658.569.399)	
Số cuối năm	2.852.038.655	3.376.552.267	

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY

	Số đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Phân loại lại	Số cuối năm
Ngắn hạn	701.771.824.278	1.698.317.193.531	(1.639.215.084.332)	2.000.000.000	762.873.933.477
Vay ngân hàng ngắn hạn (i)	701.771.824.278	1.698.317.193.531	(1.639.215.084.332)	-	760.873.933.477
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả (ii)	-	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Dài hạn	-	8.000.000.000	(500.000.000)	(2.000.000.000)	5.500.000.000
Vay ngân hàng dài hạn (ii)	-	8.000.000.000	(500.000.000)	(2.000.000.000)	5.500.000.000
TỔNG CỘNG	701.771.824.278	1.706.317.193.531	(1.639.715.084.332)	-	768.373.933.477

(i) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng để bổ sung vốn lưu động của Nhóm Công ty được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Thuyết minh số 5, 6, 10, 11 và 12	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	413.796.248.557	Từ ngày 3 tháng 1 năm 2025 đến ngày 20 tháng 6 năm 2025	3,0 - 4,6	Tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị thuộc Nhà máy Giao Long 2, máy in màu, hệ thống máy xeo và hệ thống xử lý bột nhà máy Giao Long 1.	Tiền gửi có kỳ hạn giá trị 10.000.000.000 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre	227.858.615.489	Từ ngày 24 tháng 1 năm 2025 đến ngày 3 tháng 6 năm 2025	3,2 - 4,6		Tiền gửi có kỳ hạn giá trị 1.000.000.000 VND, hàng tồn kho; máy móc thiết bị và phương tiện vận tải
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre	98.796.353.975	Từ ngày 7 tháng 1 năm 2025 đến ngày 5 tháng 5 năm 2025	3,0 - 3,9		Các khoản phải thu với giá trị 200.000.000.000 VND
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	22.422.715.456	Ngày 14 tháng 5 năm 2025	3,8		Khoản phải thu từ Công ty TNHH Box - Pak Việt Nam và các khoản phải thu khác với giá trị 400.000.000.000 VND.

TỔNG CỘNG

762.873.933.477

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 *Tình hình tăng (giảm) vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Năm trước						VND
Số đầu năm	699.944.230.000	235.247.935.803	82.904.331.993	730.259.104.829	3.000.000.000	1.751.355.602.625
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	309.338.388.739	-	309.338.388.739
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	104.986.250.000	-	-	(104.986.250.000)	-	-
Cổ tức	-	-	-	(201.232.620.000)	-	(201.232.620.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	18.972.929.221	(18.972.929.221)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(7.589.171.688)	-	(7.589.171.688)
Góp vốn	-	-	-	-	32.000.000	32.000.000
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	-	-	8.000.000	(8.000.000)	-
Số cuối năm	804.930.480.000	235.247.935.803	101.877.261.214	706.824.522.659	3.024.000.000	1.851.904.199.676
Năm nay						
Số đầu năm	804.930.480.000	235.247.935.803	101.877.261.214	706.824.522.659	3.024.000.000	1.851.904.199.676
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	242.066.983.472	129.668.740	242.196.652.212
Cổ tức (<i>Thuyết minh số 23.2</i>)	-	-	-	(80.493.048.000)	-	(80.493.048.000)
Góp vốn	-	-	-	-	3.032.000.000	3.032.000.000
Mua thêm lợi ích từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	(317.277.618)	(4.056.322.382)	(4.373.600.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	15.466.919.437	(15.466.919.437)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(6.186.767.775)	-	(6.186.767.775)
Thường HĐQT, BKS và ban điều hành (*)	-	-	-	(3.000.000.000)	-	(3.000.000.000)
Số cuối năm	804.930.480.000	235.247.935.803	117.344.180.651	843.427.493.301	2.129.346.358	2.003.079.436.113

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.1 Tình hình tăng (giảm) vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ("ĐHĐCĐ") thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024, cổ đông của Công ty đã thông qua mức trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi và chi thường HĐQT, BKS, Ban điều hành với số tiền lần lượt là 15.466.919.437 VND, 6.186.767.775 VND và 3.000.000.000 VND.

23.2 Các giao dịch về vốn với các cổ đông và phân phối cổ tức

VND

	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần		
Vốn cổ phần đầu năm	804.930.480.000	699.944.230.000
Phát hành cổ phiếu	-	104.986.250.000
Vốn cổ phần cuối năm	<u>804.930.480.000</u>	<u>804.930.480.000</u>
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố (*)	160.986.096.000	225.731.206.500
Cổ tức đã trả bằng tiền (*)	(80.493.048.000)	(201.232.620.000)
- Cổ tức năm 2023 bằng tiền	(80.493.048.000)	(80.493.048.000)
- Cổ tức năm 2022 bằng tiền	-	(120.739.572.000)
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	-	(104.986.250.000)

(*) Nghị quyết ĐHCĐ thường niên số 01/NQ-ĐHCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024 đã phê duyệt việc trả cổ tức năm 2023 bằng tiền tại mức 20% vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023, với tổng giá trị là 160.986.096.000 VND.

Trong năm 2024, Công ty đã trả cổ tức đợt cuối của năm 2023 bằng tiền mặt với tỷ lệ 10% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông cho cổ đông hiện hữu với tổng giá trị là 80.493.048.000 VND, theo Nghị quyết HĐQT số 15/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 5 năm 2024. Ngoài ra, Công ty đã hoàn thành tạm ứng cổ tức đợt 1 của năm 2023 bằng tiền mặt với tỷ lệ 10% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông với tổng giá trị là 80.493.048.000 VND trong năm 2023.

23.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	80.493.048	80.493.048
Cổ phiếu đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	80.493.048	80.493.048
Cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	80.493.048	80.493.048

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.4 Lãi trên cổ phiếu

Bảng biểu sau đây thể hiện dữ liệu được dùng để tính lãi trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)	Năm trước (trình bày trước đây)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	242.066.983.472	309.338.388.739	309.338.388.739
Điều chỉnh giảm các khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	(4.841.339.669)	(9.186.767.775)	(6.186.767.775)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	237.225.643.803	300.151.620.964	303.151.620.964
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	80.493.048	80.493.048	80.493.048
Lãi trên cổ phiếu			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.947	3.729	3.766
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.947	3.729	3.766

(i) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2023 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 để phản ánh khoản thực trích các quỹ từ lợi nhuận để lại của năm 2023 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-HĐQCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2024 đã được điều chỉnh giảm cho khoản dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi với tỷ lệ 2% lợi nhuận sau thuế của năm 2024 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu	3.597.426.318.483	3.261.255.035.745
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	3.424.816.885.517	3.248.916.380.991
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	172.463.978.421	12.193.200.209
<i>Doanh thu khác</i>	145.454.545	145.454.545
Các khoản giảm trừ	(919.173.754)	(2.346.494.143)
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chiết khấu thương mại</i>	(802.202.514)	(582.802.378)
<i>Giảm giá hàng bán</i>	(16.032.380)	(714.823.445)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(100.938.860)	(1.048.868.320)
Doanh thu thuần	3.596.507.144.729	3.258.908.541.602
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	3.423.897.711.763	3.246.569.886.848
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	172.463.978.421	12.193.200.209
<i>Doanh thu khác</i>	145.454.545	145.454.545
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	3.577.538.277.229	3.258.908.541.602
<i>Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	18.968.867.500	-

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi và cho vay	18.197.243.768	5.797.097.489
Lãi chênh lệch tỷ giá	11.516.091.108	12.389.568.975
Lãi ứng vốn	4.297.464.940	10.719.935.940
Khác	459.014.402	206.751.415
TỔNG CỘNG	34.469.814.218	29.113.353.819

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thành phẩm đã bán	3.006.782.396.112	2.745.293.423.308
Giá vốn hàng hóa đã bán	163.694.436.090	10.086.294.891
TỔNG CỘNG	3.170.476.832.202	2.755.379.718.199

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	22.885.715.787	33.205.155.630
Lỗ chênh lệch tỷ giá	15.707.678.845	4.893.776.025
TỔNG CỘNG	38.593.394.632	38.098.931.655

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	112.803.009.661	108.078.537.833
Chi phí dịch vụ mua ngoài	83.492.609.287	79.022.769.491
Chi phí nhân viên	20.545.944.784	18.849.098.677
Chi phí vật liệu	4.596.363.875	5.208.932.041
Chi phí khấu hao và hao mòn	737.898.741	1.054.853.264
Khác	3.430.192.974	3.942.884.360
Chi phí quản lý doanh nghiệp	39.651.125.697	37.809.201.984
Chi phí nhân viên	15.622.900.297	13.567.822.414
Chi phí dịch vụ mua ngoài (*)	13.080.641.613	13.619.912.109
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.944.026.655	2.379.924.460
Dự phòng phải thu khó đòi	1.261.084.739	885.883.674
Khác	6.742.472.393	7.355.659.327
TỔNG CỘNG	152.454.135.358	145.887.739.817

(*) Trong đây bao gồm chi phí dịch vụ chuyên nghiệp phát sinh trong năm nay và năm trước như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Phí kiểm toán báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của Nhóm Công ty	260.000.000	250.000.000
Các loại phí dịch vụ bảo đảm khác của Công ty và các công con	305.000.000	245.000.000
TỔNG CỘNG	565.000.000	495.000.000

28. THU NHẬP KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ bồi thường hợp đồng	7.510.569.909	7.856.443.647
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	269.287.145	-
Khác	494.327.746	-
TỔNG CỘNG	8.274.184.800	7.856.443.647

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	2.295.155.259.083	1.843.506.326.078
Chi phí dịch vụ mua ngoài	665.852.141.285	687.587.964.511
Chi phí nhân viên	181.202.331.119	166.374.973.781
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 12 và 13)	105.032.042.879	102.294.331.979
Khác	74.513.440.486	72.865.213.391
TỔNG CỘNG	3.321.755.214.852	2.872.628.809.740

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% trên thu nhập chịu thuế.

Dự án đầu tư mở rộng của Công ty: Công ty được miễn hai năm thuế thu nhập doanh nghiệp cho dự án nhà máy giấy Giao Long Giai đoạn 2 kể từ khi có thu nhập tính thuế (2020 - 2021) và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho bốn (4) năm tiếp theo (2022 - 2025).

Bao Bi Bến Tre: Công ty này được miễn thuế TNDN trong hai (2) năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% trong bốn (4) năm tiếp theo.

Giấy Giao Long: Công ty này được ưu đãi thuế từ năm bắt đầu có doanh thu từ dự án đầu tư, áp dụng thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 17% trong thời gian 10 năm, miễn thuế TNDN trong hai (2) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (2024-2025) và được giảm 50% trong bốn (4) năm tiếp theo (2025-2028).

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	37.799.783.891	47.147.958.315
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	151.467.320	280.714.830
	37.951.251.211	47.428.673.145
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(925.102.430)	1.330.992.405
TỔNG CỘNG	37.026.148.781	48.759.665.550

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	279.222.800.993	358.098.054.289
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng	55.844.560.199	71.619.610.858
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	792.707.821	704.001.195
Lãi từ công ty liên kết	(327.349.043)	(378.968.543)
Chuyển lỗ tại công ty con	(884.940.858)	(223.948.776)
Thuế TNDN được miễn/giảm	(18.550.296.658)	(23.241.744.014)
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	151.467.320	280.714.830
Chi phí thuế TNDN	37.026.148.781	48.759.665.550

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

30.3 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong năm này và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	228.180.009	274.832.140	(46.652.131)	(359.237.844)
Dự phòng	-	(971.754.561)	971.754.561	(971.754.561)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại (Thuế TNDN hoãn lại phải trả)	228.180.009	(696.922.421)		
Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại			925.102.430	(1.330.992.405)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và các bên liên quan có phát sinh nghiệp vụ với công ty trong năm như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Tân Cảng Giao Long Công ty TNHH MTV Sản xuất và Đầu tư Thép An Bình ("Thép An Bình")	Công ty liên kết Công ty có người đại diện pháp luật là bên liên quan của thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Dịch vụ Năng lượng Thành Công ("Năng Lượng Thành Công")	Công ty cùng thành viên HĐQT

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm này và năm trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>VND</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Năng Lượng Thành Công	Mua hơi	253.315.551.300	291.051.119.000
	Mua điện	130.731.607.788	77.729.434.235
Tân Cảng Giao Long	Mua dịch vụ	48.228.756.386	39.033.607.640
	Phí thuê bãi	5.730.000.000	7.025.000.000
	Góp vốn	2.600.000.000	-
Thép An Bình	Mua hàng hóa	27.920.454.881	-
	Bán hàng hóa	18.968.867.500	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>VND</i>	
		<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>			
Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long	Góp vốn	2.600.000.000	-
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>			
Tân Cảng Giao Long	Mua dịch vụ và thuê bãi	13.717.387.600	6.350.826.015
Năng Lượng Thành Công	Mua hơi và điện	276.053.400	307.540.800
TỔNG CỘNG		13.993.441.000	6.658.366.815
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>			
Năng Lượng Thành Công	Mua hơi	33.037.123.034	35.029.042.669
Thép An Bình	Mua thép	-	30.712.500.000
TỔNG CỘNG		33.037.123.034	65.741.542.669

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát như sau:

Tên	Chức vụ	Thu nhập (*)	
		Năm nay	Năm trước
Ông Lê Bá Phương	Phó Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám Đốc	1.941.180.800	1.697.538.898
Ông Lương Văn Thành	Chủ tịch HĐQT/ Phó Tổng Giám Đốc	1.435.372.265	1.323.942.484
Bà Hồ Thị Song Ngọc	Phó Tổng Giám Đốc/ Giám Đốc	1.118.844.347	1.215.065.211
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Thành viên không điều hành	723.829.038	99.000.000
Ông Marco Martinelli	Thành viên độc lập - không điều hành	292.000.000	99.000.000
Ông Dương Thành Công	Thành viên không điều hành	292.000.000	99.000.000
Bà Đoàn Thị Bích Thúy	Trưởng BKS	108.000.000	58.000.000
Bà Đoàn Hồng Lan	Thành viên BKS	221.496.892	188.786.815
Ông Nguyễn Quốc Bình	Thành viên BKS	74.000.000	43.500.000
TỔNG CỘNG		6.206.723.342	4.823.833.408

(*) Bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác.

32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	3.888.857.779	7.202.487.557
Từ 1 năm đến 5 năm	3.675.431.116	10.487.307.561
Trên 5 năm	22.862.660.407	26.060.670.004
TỔNG CỘNG	30.426.949.302	43.750.465.122

33. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Euro (EUR)	48,56	1.268.065	69,46	1.831.671
Đô la Mỹ (USD)	218.174,52	5.509.124.805	90.020,08	2.167.683.526
		5.510.392.870		2.169.515.197

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 17 tháng 2 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã thông qua Nghị quyết HĐQT số 08/NQ-HĐQT về việc chia tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2024 bằng tiền cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 10% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông và với tổng giá trị là 80.493.048.000 VND, phù hợp với Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm cần phải điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2025

Phạm Thị Minh Phụng
Người lập

Nguyễn Hồng Thanh
Kế toán trưởng



Lê Bá Phương
Tổng Giám đốc





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE
DONG HAI JOINT STOCK COMPANY OF BENTRE

ĐC: Lô A III, Khu công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam
 Tel: 075.2470655 - 3611666 * Fax: 075.3635222 - 3611222
 Email: donghaibentre@yahoo.com * Website: www.dohacobentre.com.vn

Số: 22/CV-CTĐH

"V/v giải trình KQKD hợp nhất năm 2024"

Bến Tre, ngày 17 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO GIẢI TRÌNH

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. HCM

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán, Công ty Cổ Phần Đông Hải Bến Tre và các công ty con có lợi nhuận sau thuế là 242.196.652.212 đồng, giảm 21,70% so với cùng kỳ năm 2023, do các nguyên nhân sau:

- Sản lượng sản xuất và bán ra ổn định ở mặt hàng giấy cuộn, và tăng ở mặt hàng bao bì, giá giấy bán ra tăng, giá giấy nguyên liệu và các chi phí đầu vào tăng, doanh thu thuần tăng 10,36%, giá vốn hàng bán tăng 15,06%.

- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 18,40%, chủ yếu do tăng các khoản lãi trái phiếu và lãi tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại.

- Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre có sản lượng sản xuất và bán ra tăng 42,38% và 43,49% so với năm 2023, đạt được lợi nhuận là 16,09 tỷ đồng.

Chi tiết:

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	So sánh	
				Giá trị	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu thuần	3.596.507.144.729	3.258.908.541.602	337.598.603.127	10.36
2	Giá vốn hàng bán	3.170.476.832.202	2.755.379.718.199	415.097.114.003	15.06
3	Doanh thu hoạt động tài chính	34.469.814.218	29.113.353.819	5.356.460.399	18.40
4	Chi phí tài chính	38.593.394.632	38.098.931.655	494.462.977	1.30
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>22.885.715.787</i>	<i>33.205.155.630</i>	<i>(10.319.439.843)</i>	<i>(31.08)</i>
5	Phần lãi trong công ty liên kết	1.636.745.215	1.894.842.717	(258.097.502)	(13.62)
6	Chi phí bán hàng	112.803.009.661	108.078.537.833	4.724.471.828	4.37
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	39.651.125.697	37.809.201.984	1.841.923.713	4.87
8	Thu nhập khác	8.274.184.800	7.856.443.647	417.741.153	5.32
9	Chi phí khác	140.725.777	308.737.825	(168.012.048)	(54.42)
10	Chi phí thuế TNDN hiện hành	37.951.251.211	47.428.673.145	(9.477.421.934)	(19.98)
11	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	925.102.430	(1.330.992.405)	2.256.094.835	(169.50)
12	Lợi nhuận sau thuế TNDN	242.196.652.212	309.338.388.739	(67.141.736.527)	(21.70)

Công ty Cổ Phần Đông Hải Bến Tre xin báo cáo giải trình đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao Dịch Chứng khoán TP. HCM được rõ.

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE



TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Bá Phương



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE
DONG HAI JOINT STOCK COMPANY OF BENTRE

DC: Lô A III, Khu công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam
Tel: 075.2470655 - 3611666 * Fax: 075.3635222 - 3611222
Email: donghaibentre@yahoo.com * Website: www.dohacobentre.com.vn

Số: 02/BC-ĐHĐCĐ

Bến Tre, ngày 19 tháng 03 năm 2025

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025**

A. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024

I. Đánh giá tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Tình hình hoạt động

- Hội đồng quản trị hoạt động tuân thủ đúng quy định pháp luật, điều lệ và các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Từng thành viên Hội đồng quản trị thực hiện tốt chức trách nhiệm vụ theo Quy chế hoạt động hiện hành, luôn có những ý kiến đóng góp, định hướng cho sự phát triển của công ty.

- Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã triệu tập và tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên vào ngày 25/04/2024 nhằm thông qua báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính kiểm toán và phân phối lợi nhuận năm 2023, kế hoạch năm 2024 và một số nội dung khác thuộc thẩm quyền.

- Về nhân sự: Đến 31/12/2024, Hội đồng quản trị của Công ty có 05 người: 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và 03 thành viên, cụ thể:

- + Ông Lương Văn Thành – Chủ tịch HĐQT
- + Ông Lê Bá Phương – Phó Chủ tịch HĐQT
- + Ông Nguyễn Thanh Nghĩa – Thành viên HĐQT
- + Ông Marco Martinelli – Thành viên HĐQT độc lập
- + Ông Dương Thành Công – Thành viên HĐQT

2. Kết quả đạt được

Năm 2024 tình hình kinh tế vẫn còn rất nhiều khó khăn, tình hình chính trị trên Thế giới nhiều bất ổn, ảnh hưởng đến giá cả và vận chuyển hàng hóa.

Hội đồng quản trị cũng như tập thể cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre tư tưởng ổn định, cố gắng vượt qua những khó khăn, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ.

Kết quả kinh doanh cụ thể:

Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện năm 2024			So sánh KQ năm 2023	
	Kế hoạch	Thực hiện	% so với KH 2024	Kết quả 2023	% 2024/2023
I. Tổng Doanh thu (tỷ đồng)	3.279	3.596,5	109,68%	3.258,91	110,36%
1. Công ty Đông Hải Bến Tre	3.000	3.182,2	106,07%	3.090,07	102,98%
2. Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre	279	330,7	118,53%	236,16	140,03%

II.Lợi nhuận sau thuế hợp nhất (tỷ đồng)	300	242	80,73%	309,338	78,3%
---	------------	------------	---------------	----------------	--------------

II. Tổng kết các hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

HĐQT họp định kỳ hàng quý và có một số cuộc họp cần thiết khác nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu triển khai thực hiện các kế hoạch của công ty. Cụ thể, trong năm 2024, Hội đồng quản trị tổ chức 12 kỳ họp HĐQT, ban hành 23 nghị quyết xoay quanh các lĩnh vực hoạt động kinh doanh, sản xuất của công ty, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh các quý và cả năm, thông qua các nội dung họp Đại hội cổ đông thường niên, chi cổ tức bằng tiền cho cổ đông, vay vốn ngân hàng để bổ sung vốn lưu động cho công ty, mua cổ phần góp vốn vào Công ty Cổ phần Giấy Giao Long,...

2. Các Nghị quyết HĐQT năm 2024

Theo Bảng tổng hợp chi tiết các Nghị quyết năm 2024 đính kèm.

3. Quan hệ cổ đông

- Công ty báo cáo và công bố thông tin kịp thời các hoạt động của công ty đến cổ đông theo quy định.

- Các khoản cổ tức đã thực hiện trong năm:

+ Vào tháng 06/2024, Công ty đã thực hiện chi cổ tức đợt cuối năm 2023 bằng tiền cho cổ đông với tỷ lệ cổ tức 10%/cổ phiếu.

III. Thù lao của HĐQT, BKS năm 2024:

Tổng thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của năm 2024 là 798.000.000 đồng.

Thù lao, tiền thưởng của từng Thành viên Hội đồng quản trị và lương, thưởng của thành viên Hội đồng quản trị điều hành đã chi trong năm 2024, cụ thể như sau:

STT	Họ tên	Chức vụ	Thù lao HĐQT 2024	Tiền lương, thưởng 2024	Ghi chú
01	Lương Văn Thành	Chủ tịch HĐQT/ Phó Tổng Giám Đốc	150.000.000	1.285.372.265	
02	Lê Bá Phương	Phó Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám Đốc	138.000.000	1.803.180.800	
03	Nguyễn Thanh Nghĩa	Thành viên Hội đồng quản trị	132.000.000	591.829.038	
04	Marco Martinelli	Thành viên Hội đồng quản trị	132.000.000	160.000.000	
05	Dương Thành Công	Thành viên Hội đồng quản trị	132.000.000	160.000.000	

Thu nhập của các thành viên điều hành khác:

STT	Họ tên	Chức vụ	Tiền lương, thưởng 2024	Ghi chú
01	Hồ Thị Song Ngọc	Phó Tổng Giám Đốc	1.118.844.347	
02	Nguyễn Hồng Thanh	Kế toán trưởng	779.671.898	

IV. Hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hiện tại, Hội đồng quản trị Công ty có 01 thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập tham gia đầy đủ các cuộc họp, giám sát, đánh giá các hoạt động của HĐQT, cho ý kiến biểu quyết về các vấn đề đưa ra và các đề xuất, kiến nghị để Công ty phát triển trong thời gian tới.

- Ý kiến đánh giá:

+ Hoạt động của Hội đồng quản trị thực hiện theo đúng quy định pháp luật, điều lệ và đúng định hướng của Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

+ Các thành viên HĐQT luôn có tinh thần trách nhiệm cao với công việc, phấn đấu hoàn tốt thành nhiệm vụ được giao.

V. Kết quả giám sát của HĐQT với Tổng Giám Đốc và người điều hành khác:

Thực hiện vai trò giám sát, Hội đồng quản trị xác định công ty thực hiện đúng định hướng, đúng kế hoạch, phù hợp các quan điểm chủ trương của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị trong các lĩnh vực hoạt động.

Hội đồng quản trị đánh giá Ban Tổng Giám đốc công ty và các cán bộ điều hành khác chấp hành tốt pháp luật, điều lệ, các nghị quyết, các quy chế quản trị trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, sử dụng vốn và tài sản, phát triển thị trường,... Ban Tổng Giám Đốc nêu cao tinh thần trách nhiệm, tâm huyết công việc được giao, nhiều nỗ lực cố gắng vượt qua giai đoạn khó khăn.

Trong năm, Tổng Giám Đốc công ty đã thực hiện tốt trách nhiệm điều hành, báo cáo, công bố thông tin về các hoạt động của công ty một cách minh bạch, đầy đủ.

VI. Các vấn đề khác:

1. Giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty Đông Hải nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó: không có.

2. Giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: Giao dịch với Công ty Cổ phần Dịch vụ Năng Lượng Thành Công - Tổ chức có liên quan của người nội bộ Dương Thành Công.

3. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị: Hiện tại công ty đã thành lập Ban kiểm toán nội bộ gồm 01 Trưởng Ban và 01 thành viên từ tháng 11/2022. Ban kiểm toán nội bộ thực hiện giám sát các mặt hoạt động của công ty, đảm bảo tính hiệu quả cũng như tuân thủ quy định của công ty trong quá trình sản xuất kinh doanh.

B. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

I. Phương hướng hoạt động của HĐQT

- HĐQT thực hiện nghiêm túc công việc quản trị công ty theo đúng các quy định về Quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng, Điều lệ công ty và Quy chế quản trị công ty. Các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng Điều lệ, Quy chế quản trị công ty, luôn hành động vì quyền lợi của công ty và các cổ đông công ty.

- HĐQT lãnh đạo và giám sát hoạt động của Ban điều hành, tạo mọi điều kiện tốt nhất để Ban điều hành thực hiện nhiệm vụ được giao theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết HĐQT đã đề ra.

- HĐQT sẽ tiếp tục hoàn thiện các hoạt động quản trị công ty. Theo đó, HĐQT sẽ đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát theo hướng chặt chẽ hơn, nhằm tăng cường vai trò và trách nhiệm của các thành viên.

- Tiếp tục phát triển tốt mối quan hệ với các nhà đầu tư và cổ đông, đảm bảo việc công bố thông tin theo quy định.

II. Kế hoạch kinh doanh năm 2025

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025
I. Tổng Doanh thu	tỷ đồng	3.275
1.Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre	tỷ đồng	2.925
+ Nhà máy giấy Giao Long – PM1	tỷ đồng	522
+ Nhà máy giấy Giao Long – PM2	tỷ đồng	2.048
+ Nhà máy Bao bì	tỷ đồng	355
2.Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre	tỷ đồng	350
II.Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	242

* Kế hoạch chia cổ tức: Dự kiến chia cổ tức cho cổ đông bằng cổ phiếu hoặc/và tiền mặt từ 20%/vốn điều lệ trở lên.

Trên đây là Báo cáo đánh giá hoạt động HĐQT năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 của HĐQT công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem qua.

Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(đã ký)

LƯƠNG VĂN THÀNH



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE

DONG HAI JOINT STOCK COMPANY OF BENTRE

ĐC: Lô A III, Khu công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Tel: 075.2470655 - 3611666 * Fax: 075.3635222 - 3611222

Email: donghaibentre@yahoo.com * Website: www.dohacobentre.com.vn

TỔNG HỢP CÁC NGHỊ QUYẾT HĐQT NĂM 2024

Kèm theo Báo cáo số 02/BC-DHDCĐ của HĐQT ngày 19/03/2025

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	01/NQ-HĐQT	26/01/2024	- Thống nhất thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 4 năm 2023 và mục tiêu kế hoạch Quý 1 năm 2024.	100%
02	02/NQ-HĐQT	26/01/2024	- Thống nhất phê duyệt Tờ trình 01/TT-HĐQT ngày 02/01/2024 về việc đề nghị đơn giá tiền lương sản phẩm từ ngày 01/01/2024.	100%
03	03/NQ-HĐQT	26/01/2024	- Thống nhất phê duyệt danh sách đề nghị chi thưởng Ban điều hành công ty. - Thống nhất phê duyệt danh sách đề nghị chi thưởng HĐQT & BKS.	100%
04	04/NQ-HĐQT	12/03/2024	- Thống nhất chốt danh sách cổ đông để tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2024.	100%
05	05/NQ-HĐQT	14/03/2024	- Thống nhất thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2024.	100%
06	06/NQ-HĐQT	29/03/2024	- Thống nhất phương án vay vốn ngắn hạn bổ sung vốn lưu động theo kế hoạch kinh doanh năm 2024 tại Ngân hàng Citibank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.	100%
07	07/NQ-HĐQT	29/03/2024	- Thống nhất các nội dung trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2024.	100%
08	08/NQ-HĐQT	29/03/2024	- Thống nhất mức chi thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát.	100%
09	09/NQ-HĐQT	22/04/2024	- Thống nhất thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 1 năm 2024 và mục tiêu kế hoạch Quý 2 năm 2024.	100%

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
10	10/NQ-HĐQT	22/04/2024	- Thống nhất điều chỉnh các nội dung trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2024.	100%
11	11/NQ-HĐQT	16/05/2024	- Thống nhất chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024.	100%
12	12/NQ-HĐQT	16/05/2024	- Thống nhất thông qua việc đầu tư góp thêm vốn vào Công ty Cổ phần Giấy Giao Long.	100%
13	13/NQ-HĐQT	16/05/2024	- Thống nhất chọn Công ty Quang Dong Tai Yi Precision Machinery Co.,Ltd là đơn vị cung cấp máy in 06 màu cho Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre.	100%
14	14/NQ-HĐQT	16/05/2024	- Thống nhất phương án vay vốn ngắn hạn bổ sung vốn lưu động theo kế hoạch kinh doanh năm 2024 - 2025 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre.	100%
15	15/NQ-HĐQT	20/05/2024	- Thống nhất chi cổ tức đợt cuối năm 2023 bằng tiền cho cổ đông.	100%
16	16/NQ-HĐQT	12/07/2024	- Thống nhất việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Tiền Giang.	100%
17	17/NQ-HĐQT	24/07/2024	- Thống nhất thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 2 năm 2024 và mục tiêu kế hoạch Quý 3 năm 2024.	100%
18	18/NQ-HĐQT	24/07/2024	- Thống nhất việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre.	100%
19	19/NQ-HĐQT	24/07/2024	- Phê duyệt việc sử dụng hạn mức tín dụng tổng hợp ngắn hạn và hạn mức mua bán ngoại tệ có kỳ hạn tại Ngân hàng Bangkok Đại Chúng Trách Nhiệm Hữu Hạn - CN Thành Phố Hồ Chí Minh.	100%
20	20/NQ-HĐQT	30/09/2024	- Thống nhất thông qua chủ trương ký hợp đồng giữa Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre với Công ty Cổ phần S&S Glove.	100%

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
21	21/NQ-HĐQT	23/10/2024	- Thống nhất thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 3 năm 2024 và mục tiêu kế hoạch Quý 4 năm 2024.	100%
22	22/NQ-HĐQT	23/10/2024	- Thông qua việc nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Giấy Giao Long.	100%
23	23/NQ-HĐQT	11/12/2024	- Thông qua việc mua cổ phần góp vốn vào Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long.	100%



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE

DONG HAI JOINT STOCK COMPANY OF BENTRE

ĐC: Lô A III, Khu công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Tel: 075.2479655 - 3611666 * Fax: 075.3635222 - 3611222

Email: donghaibentre@yahoo.com * Website: www.dohacobentre.com.vn

Số: 01/BC-BKS/2025

Bến Tre, ngày 19 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

- Căn cứ Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ Phần Đông Hải Bến Tre quy định về chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát;
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Năm 2024, Ban kiểm soát (BKS) đã thực hiện nhiệm vụ kiểm soát đối với hoạt động của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động với một số nội dung như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát:

1. Về nhân sự của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022–2026, gồm 3 thành viên:

- + Bà Đoàn Thị Bích Thúy – Trưởng ban
- + Ông Nguyễn Quốc Bình – Thành viên
- + Bà Đoàn Hồng Lan – Thành viên

2. Về hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2024, Ban kiểm soát đã tổ chức 03 cuộc họp chính thức, 02 đợt kiểm soát theo kế hoạch kiểm kê định kỳ của Công ty để giám sát và kiểm tra trên một số lĩnh vực chủ yếu sau đây:

- Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông thường niên. Kế hoạch làm việc kiểm kê 6 tháng đầu năm, 6 tháng cuối năm, kiểm kê TSCĐ.

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT), điều hành của Ban Tổng Giám đốc và Bộ máy quản lý Công ty trong suốt niên độ liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính và kế hoạch hoạt động năm 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong năm 2024, kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo đúng các quy định của pháp luật.

- Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty; Báo cáo Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam xem xét ảnh hưởng của các vấn đề trọng yếu trong kế toán và báo cáo tài chính nhằm đánh giá tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

Thù lao, thưởng Ban Kiểm soát năm 2024 theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và chi phí hoạt động không có chi phí riêng, cụ thể:

+ Bà Đoàn Thị Bích Thúy – Trưởng ban: 108.000.000 đồng.

+ Bà Đoàn Hồng Lan – Thành viên: 74.000.000 đồng.

+ Ông Nguyễn Quốc Bình – Thành viên: 74.000.000 đồng.

II. Giám sát hoạt động quản lý, điều hành công ty:

1. Hội đồng quản trị:

- HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ quý, năm và bất thường theo đúng quy định Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- HĐQT đã ban hành Nghị quyết và các Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của mình. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trong năm 2024 HĐQT đã ban hành 23 nghị quyết.

- Tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- HĐQT thực hiện chỉ đạo hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Phối hợp cùng với Ban Tổng Giám đốc điều hành toàn diện mọi hoạt động của Công ty.

2. Ban Tổng Giám đốc và bộ máy quản lý:

- Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện đầy đủ các Quyết định, Nghị quyết của HĐQT; thực hiện nghiêm túc các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo đúng điều lệ Công ty và pháp luật quy định.

- Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh: Ban Tổng Giám đốc cùng Ban quản lý Công ty đã có nhiều nỗ lực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và đã hoàn thành 109,68% kế hoạch doanh thu, và lợi nhuận đạt 80,73% theo kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

- Về công tác tổ chức nhân sự: Ban điều hành đã chỉ đạo tiến hành sắp xếp, tuyển dụng và bồi dưỡng nhân sự phù hợp với thực tế sản xuất, kinh doanh tại Công ty.

3. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Tổng Giám đốc và các cổ đông:

- Thường xuyên trao đổi với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc về tình hình sản xuất, tình hình kinh doanh.

- BKS đã trao đổi và thống nhất với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác về nội dung, kế hoạch kiểm tra giám sát tại công ty và luôn nhận được sự hỗ trợ, hợp tác của Ban điều hành và các bộ phận có liên quan.

- Tham gia kiểm kê định kỳ tồn kho 6 tháng đầu năm, 6 tháng cuối năm, kiểm kê TSCĐ, tham gia tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- Các khuyến nghị, đề xuất của BKS đều được HĐQT, Ban Tổng Giám đốc (Giám đốc) và cán bộ quản lý khác xem xét, chỉ đạo các đơn vị liên quan nghiêm túc thực hiện.

- Trong năm 2024 Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông về Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình.

III. Giám sát dự án xây dựng:

Ngày 03/10/2024 Công ty Cổ phần Giấy Giao Long đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre cấp Quyết định chủ trương đầu tư số 2348/QĐ-UBND để làm Nhà máy giấy với công suất 1.000 tấn/ngày.

IV. Giám sát tài chính – kế toán:

- Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty được lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành;

- Ý kiến của kiểm toán viên về Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty là ý kiến chấp nhận toàn bộ. Báo cáo tài chính năm 2024 đã phản ánh một cách trung thực, hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm 2024 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2024 như sau:

CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2023	NĂM 2024
Khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (TS ngắn hạn/ Nợ NH)	Lần	1,68	1,77
Hệ số thanh toán nhanh ((TS ngắn hạn- Hàng tồn kho)/ Nợ NH)	Lần	1,21	1,34
Hiệu quả vốn lưu động			
Vòng quay các khoản phải thu (Doanh thu/ (Phải thu ngắn hạn bình quân))	Lần	3,89	4,39
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn/ Hàng tồn kho BQ)	Lần	4,86	6,16
Cơ cấu vốn			
Hệ số nợ phải trả trên Tổng nguồn vốn	Lần	0,36	0,38
Hệ số nợ phải trả trên Vốn chủ sở hữu	Lần	0,57	0,62
Khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	9,49	6,73
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	10,61	7,46
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	16,70	12,09

Đánh giá chung:

Các chỉ số tài chính của công ty cơ bản thể hiện được tính hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong hoàn cảnh nhiều khó khăn: sự cạnh tranh khốc liệt, tình hình kinh tế Thế giới không ổn định và chi phí sản xuất tăng.

V. Giám sát thực hiện nghị quyết ĐHCĐ:

- Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024:

Công ty đã thực hiện trích lập các quỹ theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

- Trích thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2024: Công ty đã thực hiện trích thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2024 theo đúng mức đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua.

- Về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024:

STT	CHỈ TIÊU	TH 2023	KH 2024	TH 2024	% TH/ KH 2024	% TH 2024/ TH 2023
1	Doanh thu thuần (triệu đồng)	3.258.909	3.279.000	3.596.507	109,68%	110,36%
2	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	309.338	300.000	242.197	80,73%	78,30%

Năm 2024 tiếp tục là một năm khó khăn do sự cạnh tranh khốc liệt, tình hình kinh tế Thế giới không ổn định, tỷ giá biến động tăng. Vượt lên tất cả khó khăn, thử thách, Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty và sự hợp tác, ủng hộ của các khách hàng, Công ty đã hoàn thành kế hoạch về doanh thu do Đại hội đồng cổ đông đề ra: Doanh thu đạt hơn 3.596 tỷ đồng vượt 9,68% so với kế hoạch. Tuy nhiên do giá nguyên liệu OCC tăng khoảng 15% trong khi đó giá bán chỉ tăng được khoảng 7% cộng thêm giá điện trong năm đã tăng khoảng 9,5% dẫn đến chi phí sản xuất tăng nên Lợi nhuận sau thuế đạt hơn 242 tỷ và đạt 80,73% so với kế hoạch đã đề ra.

VI. Nhận xét và kiến nghị:

1. Nhận xét:

- Nhìn chung, năm 2024 Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của công ty.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đảm bảo an toàn, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, theo đúng định hướng của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông / HĐQT.

2. Kiến nghị:

Tiếp tục nâng cao năng lực hoạt động của các phòng ban Công ty nhằm đảm bảo sự tuân thủ các quy định, giảm thiểu sai sót, nguy cơ rủi ro tiềm ẩn trong sản xuất kinh doanh.

VII. Phương hướng hoạt động năm 2025:

- Ban kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo các quy định của pháp luật và công ty (Luật doanh nghiệp; Điều lệ tổ chức và hoạt động; Quy chế quản trị của Công ty; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát).

- Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

Trên đây là Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2024 và phương hướng hoạt động năm 2025. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Ban kiểm soát xin chân thành cảm ơn sự ủng hộ, tin tưởng của Quý vị cổ đông, Hội đồng quản trị, sự hợp tác và phối hợp của Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc và các bộ phận phòng ban Công ty đã tạo điều kiện để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ năm 2024.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công. Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp!

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN
(đã ký)

ĐOÀN THỊ BÍCH THÚY



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE
DONG HAI JOINT STOCK COMPANY OF BENTRE

DC: Lô A III, Khu công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam
Tel: 075.2470655 - 3611666 * Fax: 075.3635222 - 3611222
Email: donghaibentre@yahoo.com * Website: www.dohacobentre.com.vn

Số: 01/TT-ĐHĐCĐ

Bến Tre, ngày 19 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH

“Về các nội dung xin ý kiến Đại hội cổ đông thường niên 2025”

Kính gửi: ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG ĐÔNG

- Căn cứ Điều lệ hoạt động và tình hình hoạt động thực tế của Công ty;
- Căn cứ ý kiến thống nhất của các thành viên Hội đồng quản trị Công ty.

Hội đồng quản trị (“HĐQT”) công ty kính trình và xin ý kiến Đại hội cổ đông thường niên 2025 các vấn đề sau:

- 1./ Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám Đốc công ty năm 2024 (báo cáo đính kèm).
- 2./ Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024 (báo cáo đính kèm).
- 3./ Báo cáo tài chính kiểm toán (đính kèm) và phân phối lợi nhuận năm 2024.

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN (đồng)
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.596.507.144.729
2	Lợi nhuận trước thuế	279.222.800.993
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(37.951.251.211)
4	Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	925.102.430
5	Lợi nhuận sau thuế	222.590.239.989
5.1	Trích quỹ đầu tư phát triển 5% lợi nhuận sau thuế	11.129.511.999
5.2	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 2% lợi nhuận sau thuế	4.451.804.800
5.3	Chia cổ tức cho cổ đông 30% vốn điều lệ từ lợi nhuận chưa phân phối còn lại lũy kế đến 31/12/2024. Trong đó: - Chia cổ tức 10% vốn điều lệ bằng tiền - Chia cổ tức 20% vốn điều lệ bằng cổ phiếu	80.493.048.000 160.986.096.000
5.4	Chi thưởng HĐQT, BKS, Ban điều hành	0

- 4./ Chi thù lao và thưởng cho HĐQT, BKS, Ban điều hành năm 2024

- Chi thù lao cho HĐQT, BKS: 798.000.000 đồng.
- Chi thưởng HĐQT, BKS, Ban điều hành: 0 đồng

- 5./ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025
I. Tổng Doanh thu	tỷ đồng	3.275
1.Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre	tỷ đồng	2.925
+ Nhà máy giấy Giao Long – PM1	tỷ đồng	522
+ Nhà máy giấy Giao Long – PM2	tỷ đồng	2.048
+ Nhà máy Bao bì	tỷ đồng	355
2.Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre	tỷ đồng	350
II.Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	242

6./ Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025:

Căn cứ vào kế hoạch kinh doanh 2025, HĐQT đề xuất trình Đại hội phê duyệt kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau:

6.1.Trích lập quỹ đầu tư phát triển: 5%/lợi nhuận sau thuế

6.2.Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi : 2%/lợi nhuận sau thuế

6.3.Chia cổ tức cho cổ đông bằng cổ phiếu hoặc/và tiền mặt: từ 20%/vốn điều lệ trở lên

7./ Kế hoạch chi thù lao và chi thưởng cho HĐQT, BKS, Ban điều hành năm 2025

- Chi thù lao cho HĐQT, BKS: 798.000.000 đồng

- Chi thưởng HĐQT, BKS, Ban điều hành: nếu thực hiện đạt kế hoạch: thưởng 1% lợi nhuận sau thuế, nếu thực hiện vượt kế hoạch: thưởng 10% lợi nhuận sau thuế phần vượt kế hoạch.

8./ Ủy quyền cho HĐQT chọn một công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 trong các công ty kiểm toán có tên sau:

- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

- Công ty TNHH PwC Việt Nam

- Công ty TNHH KPMG Việt Nam

HĐQT Công ty kính đề nghị Đại hội cổ đông thường niên 2025 thảo luận và cho ý kiến biểu quyết các vấn đề nêu trên.

Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(đã ký)

LƯƠNG VĂN THÀNH



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE
DONG HAI JOINT STOCK COMPANY OF BENTRE

ĐC: Lô A III, Khu công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam
Tel: 075.2470655 - 3611666 * Fax: 075.3635222 - 3611222
Email: donghaibentre@yahoo.com * Website: www.dohacobentre.com.vn

Số: 02/TT-ĐHĐCD

Bến Tre, ngày 19 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH

“V/v: Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024”

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre;
- Quy định của pháp luật hiện hành.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024 với nội dung như sau:

1. **Tên cổ phiếu:** Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
2. **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông
3. **Mã chứng khoán:** DHC
4. **Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phiếu
5. **Vốn điều lệ hiện tại:** 804.930.480.000 đồng
6. **Tổng số cổ phiếu đã phát hành:** 80.493.048 cổ phiếu

Trong đó:

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 80.493.048 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu quỹ : 0 cổ phiếu
7. **Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:** 16.098.609 cổ phiếu
 8. **Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá:** 160.986.090.000 đồng
 9. **Hình thức phát hành:** Phát hành cổ phiếu trả cổ tức
 10. **Đối tượng phát hành:** Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông. Thời điểm chốt danh sách cổ đông được ĐHĐCD ủy quyền cho HĐQT quyết định.
 11. **Tỷ lệ phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số lượng cổ phiếu đang lưu hành):** 20%
 12. **Tỷ lệ thực hiện quyền:** 5:1. Cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được nhận 01 quyền nhận thêm cổ phiếu. Cứ 05 quyền nhận thêm cổ phiếu sẽ được nhận thêm 01 cổ phiếu mới.

- 13. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có):** Số lượng cổ phiếu phát hành thêm của mỗi cổ đông sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ.
- Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 129 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông. Với tỷ lệ thực hiện quyền 5:1, cổ đông A được nhận $(129/5 * 1) = 25,8$ cổ phiếu mới. Theo nguyên tắc tính toán trên, cổ đông A được nhận thêm 25 cổ phiếu mới. Số phần thập phân là 0,8 cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ.*
- 14. Nguồn vốn phát hành:** Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2024 theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.
- 15. Thời gian dự kiến thực hiện:** Sau khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành, dự kiến từ Quý II/2025. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thời điểm phát hành thích hợp để đảm bảo quyền lợi của cổ đông và theo quy định của pháp luật.
- 16. Đăng ký chứng khoán bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung:** Sau khi hoàn tất đợt phát hành, ĐHĐCĐ thông qua và ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- 17. Thông qua việc thay đổi Vốn điều lệ:** Thông qua việc thay đổi Điều lệ Công ty (mục vốn điều lệ) và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận được báo cáo kết quả đợt phát hành.
- 18. Ủy quyền Hội đồng quản trị:**
- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc liên quan tới việc phát hành như sau:
- Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ báo cáo phát hành chứng khoán gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác. Đồng thời, chủ động điều chỉnh phương án phát hành và các hồ sơ khác có liên quan theo tình hình thực tế của Doanh nghiệp hoặc yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác;
 - Lựa chọn ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện Phương án phát hành như trên;
 - Chủ động xây dựng phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật.
 - Thực hiện sửa đổi, bổ sung các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận được báo cáo kết quả đợt phát hành;
 - Thực hiện các thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của Công ty liên quan tới việc thay đổi vốn điều lệ theo kết quả thực tế của đợt phát hành với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản về việc nhận được báo cáo kết quả đợt phát hành;
 - Thực hiện các thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng Công ty lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng

- khoán Thành phố Hồ Chí Minh số lượng cổ phiếu phát hành thêm theo kết quả thực tế của đợt phát hành sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản về việc nhận được báo cáo kết quả đợt phát hành;
- Tùy từng trường hợp cụ thể, Hội đồng quản trị được ủy quyền lại cho Tổng Giám đốc để thực hiện một hoặc một số công việc cụ thể nêu trên;
 - Quyết định các vấn đề phát sinh khác có liên quan đến việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(đã ký)

LƯƠNG VĂN THÀNH



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE
DONG HAI JOINT STOCK COMPANY OF BENTRE

ĐC: Lô A III, Khu công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam
Tel: 075.2470655 - 3611666 * Fax: 075.3635222 - 3611222
Email: donghaibentre@yahoo.com * Website: www.dohacobentre.com.vn

Số: 03/TT-ĐHĐCĐ

Bến Tre, ngày 19 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Hủy bỏ Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động "ESOP" và Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2024

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre;
- Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/BB-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2024 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2024;
- Tờ trình số 04/TT-ĐHĐCĐ ngày 04/04/2024 về việc thông qua Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động "ESOP";
- Tờ trình số 05/TT-ĐHĐCĐ ngày 04/04/2024 về việc thông qua Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu;

Căn cứ tình hình thị trường không thuận lợi cho việc triển khai chào bán và có thể ảnh hưởng đến lợi ích của Công ty và quyền lợi của cổ đông, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") xem xét và thông qua việc hủy bỏ các phương án phát hành đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, như sau:

- Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động "ESOP" theo tờ trình số 04/TT-ĐHĐCĐ ngày 04/04/2024.
- Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tờ trình số 05/TT-ĐHĐCĐ ngày 04/04/2024.

Lý do hủy: Công ty Đông Hải sử dụng nguồn lợi nhuận sau thuế còn lại để góp vốn cho Dự án, đảm bảo đủ vốn để thực hiện Dự án.

Đại hội đồng cổ đông giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện các công việc liên quan đến việc hủy phương án chào bán cổ phiếu trên theo đúng quy định pháp luật.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng ./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(đã ký)

LƯƠNG VĂN THÀNH



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE
DONG HAI JOINT STOCK COMPANY OF BENTRE

DC: Lô A III, Khu công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam
Tel: 075.2470655 - 3611666 * Fax: 075.363222 - 3611222
Email: donghaibentre@yahoo.com * Website: www.dohacobentre.com.vn

Số: 04/TT-ĐHĐCĐ

Bến Tre, ngày 19 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH

*V/v: Nhận chuyển nhượng cổ phần của các cổ đông khác
đồng thời chuyển đổi loại hình doanh nghiệp Công ty Cổ phần Giấy Giao Long*

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.

Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) xem xét và thông qua các nội dung sau:

1. Nhận chuyển nhượng cổ phần: Công ty sẽ nhận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần từ các cổ đông còn lại trong Công ty Cổ phần Giấy Giao Long đồng thời trở thành cổ đông duy nhất của Công ty Cổ phần Giấy Giao Long.

- Giá mua: 11.000 đồng/cổ phần
- Số lượng: 208.800 cổ phần
- Thời hạn thực hiện nhận chuyển nhượng: Chậm nhất 15/4/2025

2. Chuyển đổi loại hình doanh nghiệp: Sau khi hoàn tất việc nhận chuyển nhượng, Công ty Cổ phần Giấy Giao Long sẽ được chuyển đổi từ loại hình Công ty cổ phần sang Công ty TNHH Một thành viên.

- Tên Công ty được chuyển đổi: Công ty Cổ phần Giấy Giao Long
- Tên Công ty sau khi chuyển đổi: Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Giấy Giao Long

Đại hội đồng cổ đông giao và ủy quyền cho HĐQT:

- Quyết định các nội dung đăng ký doanh nghiệp khác của Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Giấy Giao Long như địa chỉ công ty, cơ cấu tổ chức quản lý, ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ,...

- Phân công nhân sự giữ các chức vụ trong Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Giấy Giao Long;

- Phê duyệt Điều lệ mới của Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Giấy Giao Long;

- Thực hiện các công việc khác liên quan đến việc chuyển đổi công ty theo đúng quy định pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(đã ký)

LƯƠNG VĂN THÀNH



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE
DONG HAI JOINT STOCK COMPANY OF BENTRE

DC: Lô A III, Khu công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam
Tel: 075.2470655 - 3611666 * Fax: 075.3635222 - 3611222
Email: donghaibentre@yahoo.com * Website: www.dohacobentre.com.vn

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

PHIẾU BIỂU QUYẾT

Tên cổ đông :
Tổng số cổ phần sở hữu : cổ phần
Tổng số cổ phần được ủy quyền : cổ phần
Tổng số phiếu biểu quyết : phiếu biểu quyết

*** Các nội dung biểu quyết thông qua (đánh dấu vào ô lựa chọn):**

STT	Nội dung biểu quyết	Ý kiến biểu quyết		
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
01	Thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024			
02	Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024			
03	Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán và phân phối lợi nhuận năm 2024			
04	Thông qua mức chi thù lao và chi thưởng cho HĐQT, BKS, Ban điều hành công ty năm 2024			
05	Thông qua Báo cáo Ban Kiểm soát năm 2024			
06	Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025			
07	Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025			
08	Thông qua kế hoạch chi thù lao và chi thưởng cho HĐQT, BKS, Ban điều hành công ty năm 2025			
09	Ủy quyền cho HĐQT chọn một Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025			

STT	Nội dung biểu quyết	Ý kiến biểu quyết		
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
10	Thông qua các nội dung của Tờ trình số 02/TT-ĐHĐCĐ về Phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông năm 2024.			
11	Thông qua các nội dung của Tờ trình số 03/TT-ĐHĐCĐ về việc hủy bỏ Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động “ESOP” và Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2024			
12	Thông qua các nội dung của Tờ trình số 04/TT-ĐHĐCĐ về việc Nhận chuyển nhượng cổ phần của các cổ đông khác đồng thời chuyển đổi loại hình doanh nghiệp Công Ty Cổ phần Giấy Giao Long.			

TP Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 04 năm 2025

Người biểu quyết

(Ký, ghi rõ họ tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐÔNG HẢI BẾN TRE
Số 01/NQ-ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

TP Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 04 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
(Dự thảo)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số: 01/BB.ĐHĐCĐ ngày 09/04/2025 của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.

QUYẾT NGHỊ

Điều I: Thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024

Tỷ lệ biểu quyết:

Điều II: Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024

Tỷ lệ biểu quyết:

Điều III: Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán và phân phối lợi nhuận năm 2024

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN (đồng)
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.596.507.144.729
2	Lợi nhuận trước thuế	279.222.800.993
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(37.951.251.211)
4	Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	925.102.430
5	Lợi nhuận sau thuế	222.590.239.989
5.1	Trích quỹ đầu tư phát triển 5% lợi nhuận sau thuế	11.129.511.999
5.2	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 2% lợi nhuận sau thuế	4.451.804.800
5.3	Chia cổ tức cho cổ đông 30% vốn điều lệ từ lợi nhuận chưa phân phối còn lại lũy kế đến 31/12/2024. Trong đó: - Chia cổ tức 10% vốn điều lệ bằng tiền - Chia cổ tức 20% vốn điều lệ bằng cổ phiếu	80.493.048.000 160.986.096.000
5.4	Chi thưởng HĐQT, BKS, Ban điều hành	0

Tỷ lệ biểu quyết:

Điều IV: Thông qua mức chi thù lao và chi thưởng cho HĐQT, BKS, Ban điều hành công ty năm 2024

- Chi thù lao cho HĐQT, BKS: 798.000.000 đồng.
- Chi thưởng HĐQT, BKS, Ban điều hành: 0 đồng.

Tỷ lệ biểu quyết:

Điều V: Thông qua Báo cáo Ban kiểm soát năm 2024

Tỷ lệ biểu quyết:

Điều VI: Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025
I. Tổng Doanh thu	tỷ đồng	3.275
1. Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre	tỷ đồng	2.925
+ Nhà máy giấy Giao Long – PM1	tỷ đồng	522
+ Nhà máy giấy Giao Long – PM2	tỷ đồng	2.048
+ Nhà máy Bao bì	tỷ đồng	355
2. Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre	tỷ đồng	350
II. Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	242

Tỷ lệ biểu quyết:

Điều VII: Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025

1. Trích lập quỹ đầu tư phát triển: 5% lợi nhuận sau thuế
2. Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi : 2% lợi nhuận sau thuế
3. Chia cổ tức cho cổ đông bằng cổ phiếu hoặc/và tiền mặt: từ 20% /vốn điều lệ trở lên.

Tỷ lệ biểu quyết:

Điều VIII: Thông qua kế hoạch chi thù lao và chi thưởng cho HĐQT, BKS, Ban điều hành công ty năm 2025

1. Chi thù lao cho HĐQT, BKS: 798.000.000 đồng.
2. Chi thưởng HĐQT, BKS, Ban điều hành: nếu thực hiện đạt kế hoạch: thưởng 1% lợi nhuận sau thuế, nếu thực hiện vượt kế hoạch: thưởng 10% lợi nhuận sau thuế phần vượt kế hoạch.

Tỷ lệ biểu quyết:

Điều IX: Ủy quyền cho HĐQT chọn một Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 trong số ba Công ty kiểm toán sau

1. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
2. Công ty TNHH PwC Việt Nam
3. Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Tỷ lệ biểu quyết:

Điều X: Thông qua các nội dung của Tờ trình số 02/TT-ĐHĐCĐ về việc Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024

Tỷ lệ biểu quyết:

Điều XI: Thông qua các nội dung của Tờ trình số 03/TT-ĐHĐCĐ về việc hủy bỏ Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động “ESOP” và Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2024

Tỷ lệ biểu quyết:

Điều XII: Thông qua các nội dung của Tờ trình số 04/TT-ĐHĐCĐ về việc Nhận chuyển nhượng cổ phần của các cổ đông khác đồng thời chuyển đổi loại hình doanh nghiệp Công Ty Cổ phần Giấy Giao Long.

Tỷ lệ biểu quyết:

Các Ông/Bà trong HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám Đốc và các cổ đông của công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre có trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị quyết này.

**CHỦ TỌA ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HĐQT**

LƯƠNG VĂN THÀNH